

Số: 4394 /BT/TT-PC

V/v góp ý dự thảo Luật Tương trợ  
tư pháp về dân sự

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Phúc đáp công văn số 5407/BTP-PLQT ngày 26/9/2024 và công văn số 5572/BTP-PLQT ngày 01/10/2024 của Bộ Tư pháp về đề nghị tham gia ý kiến đối với dự thảo Luật Tương trợ tư pháp về dân sự, Bộ Thông tin và Truyền thông đã nghiên cứu và có ý kiến như sau:

1. Đối với Tờ trình dự án Luật Tương trợ tư pháp về dân sự đề nghị đơn vị chủ trì nghiên cứu bổ sung vào tờ trình các nội dung như: đối tượng, phạm vi điều chỉnh của luật; dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho thi hành luật sau khi được Quốc hội thông qua; thời gian dự kiến trình Quốc hội xem xét, thông qua dự án Luật để đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 37 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Đối với nội dung dự thảo Luật Tương trợ tư pháp về dân sự:

- Đối với khoản 1 Điều 16 có quy định: “*Bộ Ngoại giao có trách nhiệm vào sổ quản lý hồ sơ và chuyển hồ sơ cho cơ quan đại diện của Việt Nam...*” đề nghị đơn vị chủ trì nghiên cứu, bổ sung mẫu sổ quản lý hồ sơ để các cơ quan có liên quan có thể thực hiện thống nhất nội dung này.

- Đề nghị đơn vị chủ trì rà soát và thống nhất trong dự thảo Luật về “*ngày/ngày làm việc*”.

- Đối với khoản 4 Điều 28 quy định về trường hợp việc thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự của nước ngoài làm phát sinh chi phí trong thực tế, đề nghị đơn vị chủ trì nghiên cứu và quy định cụ thể thời hạn nộp chi phí bổ sung này.

Trên đây là ý kiến của Bộ Thông tin và Truyền thông gửi Quý Bộ để tổng hợp.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Bùi Hoàng Phương;
- Lưu: VT, PC, PMN.

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**



Bùi Hoàng Phương



**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH  
VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 5696/BLĐTBXH-VPC

Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2024

V/v góp ý dự thảo Luật tương trợ tư pháp  
về dân sự

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Trả lời Công văn số 5407/BTP-PLQT ngày 26 tháng 9 năm 2024 của quý Bộ về việc góp ý dự thảo Luật tương trợ tư pháp về dân sự, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nhất trí với sự cần thiết ban hành Luật tương trợ tư pháp về dân sự như trong dự thảo Tờ trình đã nêu.

Trên đây là ý kiến của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội gửi quý Bộ tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, VPC.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Lê Văn Thanh**



**BỘ NỘI VỤ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6406 /BNV-PC  
V/v tham gia ý kiến dự thảo Luật  
Tương trợ tư pháp về dân sự

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Trả lời Công văn số 5407/BTP-PLQT ngày 26/9/2024, số 5572/BTP-PLQT ngày 01/10/2024 của Bộ Tư pháp đề nghị tham gia ý kiến đối với dự thảo Luật Tương trợ tư pháp về dân sự, Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:

**1. Đối với Điều 11 dự thảo**

Điều 5 dự thảo đã quy định rõ những nguyên tắc áp dụng pháp luật. Đồng thời, điểm b khoản 2 dự thảo đã bao gồm nội dung của điểm a khoản 2. Do đó, đề nghị biên tập lại Điều 11 theo hướng Điều 11 bao gồm 02 nội dung tại điểm a, b khoản 1 và điểm b khoản 2 dự thảo.

**2. Đối với Điều 13, Điều 14 dự thảo**

Để tránh sự trùng lặp, đề nghị gộp Điều 13, Điều 14 dự thảo, đồng thời:

- Bỏ khoản 5 Điều 13 dự thảo vì không cần thiết, do đã được quy định cụ thể tại Điều 7 dự thảo.

- Bỏ khoản 1 Điều 14 dự thảo vì nếu hồ sơ không đủ thành phần thì đương nhiên được xác định là không hợp lệ.

- Điều 20, Điều 21 dự thảo quy định việc tương trợ tư pháp bằng phương tiện điện tử được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận của Việt Nam và nước nhận hoặc thực hiện tương trợ tư pháp. Như vậy, có thể có trường hợp không thực hiện thông qua phương tiện điện tử. Do đó, đề nghị cân nhắc quy định tại khoản 6 Điều 13 dự thảo về việc phải có hồ sơ điện tử trên Hệ thống thông tin tương trợ tư pháp; vì nếu chỉ có thông tin hồ sơ mà không có kết quả thực hiện thì không nên quy định bắt buộc.

Trên đây là ý kiến tham gia của Bộ Nội vụ đối với dự thảo Luật, đề nghị Bộ Tư pháp tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- TT Triệu Văn Cường;
- Lưu: VT, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Triệu Văn Cường**



Số: 1235/BTC-PC

Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2024

V/v tham gia ý kiến đối với dự thảo  
Luật Tương trợ tư pháp về dân sự

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Phúc đáp công văn số 5407/BTP-PLQT ngày 26/9/2024 của Bộ Tư pháp đề nghị Bộ Tài chính tham gia ý kiến đối với dự thảo Luật Tương trợ tư pháp (TTTP) về dân sự, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

**1. Về ý kiến tham gia chung**

Đề nghị Bộ Tư pháp rà soát, đảm bảo nội dung dự thảo Luật TTTP về dân sự không phát sinh thêm nguồn lực, kinh phí ngân sách nhà nước cho việc triển khai thực hiện so với nội dung đánh giá về nguồn lực nêu trong hồ sơ đề nghị xây dựng Luật. Trường hợp dự thảo Luật TTTP về dân sự có chính sách mới, đề nghị Bộ Tư pháp đánh giá tác động của chính sách, trong đó có đánh giá tác động đối với ngân sách nhà nước, theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL).

**2. Về Điều 35 dự thảo Luật**

- Tại điểm đ khoản 2 và điểm d khoản 3 Điều 35 dự thảo Luật quy định chi phí thực hiện TTTP về dân sự trong đó có chi phí khác (nếu có) theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật của quốc gia có liên quan. Đề nghị Bộ Tư pháp rà soát quy định pháp luật hiện hành có quy định chi phí TTTP để báo cáo cụ thể chi phí khác tại điểm đ khoản 2 và điểm d khoản 3 nêu trên gồm những chi phí nào để bảo đảm rõ ràng và thống nhất giữa các văn bản Luật.

- Khoản 6 Điều 35 dự thảo Luật quy định: *“Việt Nam và nước ngoài có thể ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về việc miễn phí, lệ phí thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự. Trường hợp có điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế quy định việc miễn phí, lệ phí thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự, người có nghĩa vụ nộp chi phí thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự của nước ngoài không phải nộp phí, lệ phí tương trợ tư pháp về dân sự.”*

Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Luật Thỏa thuận quốc tế, nội dung thỏa thuận quốc tế phải phù hợp với Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và việc ký kết thỏa thuận quốc tế không được làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo pháp luật quốc tế. Đề nghị Bộ Tư pháp làm rõ cơ sở pháp lý của quy định *“trường hợp có... thỏa thuận quốc tế quy định việc miễn phí, lệ phí thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự, người có nghĩa vụ nộp chi phí*

*thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự của nước ngoài không phải nộp phí, lệ phí tương trợ tư pháp về dân sự”.*

### **3. Về Điều 44 dự thảo Luật quy định kinh phí bảo đảm công tác TTTP về dân sự**

- Khoản 1 Điều 44 dự thảo Luật quy định: *“Chi phí của Nhà nước trong thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự do ngân sách nhà nước bảo đảm bao gồm cả chi phí dịch vụ bưu chính công ích để tổng đạt giấy tờ của nước ngoài”.*

Đề nghị Bộ Tư pháp rà soát lại quy định ngân sách nhà nước (NSNN) bảo đảm chi phí dịch vụ bưu chính công ích để tổng đạt giấy tờ của nước ngoài để tránh trùng lặp do chủ thể yêu cầu TTTP về dân sự nộp chi phí này (quy định tại điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 35 dự thảo Luật).

Ngoài ra, do dự thảo Luật chưa quy định rõ các khoản chi phí do Nhà nước bảo đảm, đề nghị Bộ Tư pháp rà soát, bổ sung quy định cụ thể các khoản chi phí do nhà nước bảo đảm tại dự thảo Luật.

- Khoản 3 Điều 44 dự thảo Luật quy định: *“Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí do ngân sách nhà nước cấp cho hoạt động tương trợ tư pháp về dân sự.”* Đề nghị Bộ Tư pháp bỏ quy định trên do:

+ Pháp luật về NSNN đã có quy định cụ thể về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí do NSNN cấp nói chung, trong đó bao gồm kinh phí do NSNN cấp cho hoạt động TTTP về dân sự. Do đó, không cần thiết phải có hướng dẫn riêng cho hoạt động TTTP về dân sự.

+ Theo quy định tại khoản 10 Điều 25 Luật NSNN, Chính phủ quyết định các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu thống nhất trong cả nước. Do đó, việc giao Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí do NSNN cấp cho hoạt động TTTP về dân sự là không phù hợp.

+ Hoạt động TTTP về dân sự do nhiều cơ quan ở Trung ương, địa phương thực hiện. Dự thảo Luật chưa quy định cụ thể các khoản chi phí do nhà nước bảo đảm nên chưa có cơ sở để xác định cấp có thẩm quyền ban hành các nội dung về tài chính theo quy định của Luật NSNN.

Trường hợp dự thảo Luật giao quy định hướng dẫn, đề nghị Bộ Tư pháp bổ sung trong dự thảo Luật quy định giao Chính phủ quy định chi tiết theo thẩm quyền quy định tại khoản 10 Điều 25 Luật NSNN và đề nghị giao Bộ Tư pháp chủ trì xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết, bổ sung hồ sơ dự án Luật dự thảo Nghị định kèm theo theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Ban hành VBQPPL. Bộ Tài chính sẽ có ý kiến tham gia theo chức năng quản lý nhà nước khi nhận được công văn lấy ý kiến của Bộ Tư pháp.

### **4. Về khoản 6 Điều 45 dự thảo Luật quy định sửa đổi tên của các loại phí và lệ phí**

Khoản 6 Điều 45 dự thảo Luật quy định sửa đổi tên của các loại phí và lệ



phí trong Danh mục phí, lệ phí Ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 (sử dụng thuật ngữ “*tuong trợ tư pháp*” thay cho “*ủy thác tư pháp*”) như sau: Sửa tên phí thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự có yếu tố nước ngoài thành phí thực hiện TTTP về dân sự; Sửa tên lệ phí thực hiện ủy thác tư pháp của Tòa án nước ngoài tại Việt Nam thành lệ phí thực hiện yêu cầu TTTP về dân sự của nước ngoài; Sửa tên lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài thành lệ phí yêu cầu TTTP về dân sự của Việt Nam.

- Nội dung sửa đổi tên các khoản phí, lệ phí tại Luật Phí và lệ phí không có trong hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật TTTP về dân sự. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành VBQPPL (được sửa đổi bởi khoản 9 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP), đề nghị Bộ Tư pháp đánh giá tác động của việc sửa đổi, bổ sung Luật Phí và lệ phí theo quy định.

- Tại khoản 4 Điều 20 Luật Phí và lệ phí quy định trách nhiệm của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan thuộc Chính phủ như sau: “*Kiến nghị với Bộ Tài chính về những hoạt động cần thu phí, lệ phí, để Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các khoản phí, lệ phí...*”. Căn cứ quy định trên, trường hợp cần thiết phải sửa đổi, bổ sung tên các khoản phí và lệ phí, đề nghị Bộ Tư pháp thực hiện theo đúng quy định tại khoản 4 Điều 20 Luật Phí và lệ phí.

Đồng thời, đề nghị Bộ Tư pháp bổ sung quy định cụ thể tại dự thảo Luật về việc thực hiện các khoản phí, lệ phí này để tránh trường hợp phải sửa đổi, bổ sung các VBQPPL quy định về phí và lệ phí (mà chỉ sửa tên gọi loại phí, lệ phí).

Trên đây là ý kiến Bộ Tài chính, đề nghị Bộ Tư pháp tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ dự án Luật TTTP về dân sự. *T.Ư.*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ (để báo cáo);
- Vụ HCSN, Vụ NSNN, Cục QLGS CST PLP, Vụ HTQT;
- Lưu: VT, Vụ PC (3b) *f*

TL. BỘ TRƯỞNG  
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ PHÁP CHẾ  
PHÓ VỤ TRƯỞNG



*T.Ư.*  
Tô Nguyễn Cẩm Anh



Số: 6321/BNG-LS

V/v góp ý hồ sơ xây dựng  
Luật Tương trợ tư pháp về dân sự

Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2024

BỘ TƯ PHÁP

Đến ngày 14/11.  
Số 50732.

Kính gửi: Bộ Tư pháp.

Phúc công văn số 5407/BTP-PLQT ngày 26/9/2024 của Quý Bộ đề nghị cho ý kiến đối với hồ sơ xây dựng dự án Luật Tương trợ tư pháp về dân sự (Luật), Bộ Ngoại giao xin trao đổi như sau:

### 1. Về dự thảo Tờ trình dự án Luật

Bộ Ngoại giao cơ bản nhất trí với dự thảo Tờ trình dự án Luật. Để dự thảo Tờ trình hoàn thiện hơn, Bộ Ngoại giao có ý kiến như sau:

- Tại phần VI (Tính tương thích của dự thảo Luật với điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên): Bộ Ngoại giao thấy rằng dự thảo Luật hiện nay cơ bản phù hợp với các điều ước quốc tế liên quan mà Việt Nam là thành viên như Quý Bộ đã nêu tại Báo cáo rà soát điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự kèm theo Tờ trình Chính phủ số 87/TTr-BTP ngày 15/12/2023. Tuy nhiên, Bộ Ngoại giao thấy rằng: nội dung công nhận và cho thi hành bản án của tòa án và phán quyết của trọng tài có trong phạm vi của nhiều hiệp định tương trợ tư pháp về dân sự mà Việt Nam đã ký với nước ngoài<sup>1</sup>. Tuy nhiên, nội dung này chưa được nêu trong phạm vi tương trợ tư pháp về dân sự tại Điều 3 dự thảo Luật cũng như chưa được đề cập, hướng dẫn cụ thể tại các điều khoản liên quan. Vấn đề này cũng đã được nêu trong Báo cáo rà soát điều ước quốc tế kèm theo Tờ trình số 87/TTr-BTP ngày 15/12/2023. Do đó, đề nghị Quý Bộ thuyết minh rõ hơn vấn đề nêu trên trong Tờ trình.

- Đề nghị rà soát, chỉnh lý các lỗi kỹ thuật để hoàn thiện dự thảo Tờ trình (VD: dẫn chiếu Điều 32 thay vì Điều 31 tại đoạn 3 trang 9).

### 2. Về dự thảo Luật

#### 2.1. Nhận xét chung

Bộ Ngoại giao nhận thấy dự thảo Luật đang quy định một số thủ tục chi tiết và những vấn đề kỹ thuật (trình tự, thủ tục, thành phần hồ sơ). Tuy nhiên, văn bản quy phạm pháp luật do Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành (Luật, Pháp lệnh) cần được thiết kế để điều chỉnh những vấn đề lớn, mang tính nguyên tắc, định hướng, do đó cần đảm bảo có mức độ ổn định, lâu dài. Trong khi đó, các vấn đề về thủ tục, kỹ thuật có thể phải điều chỉnh (bãi bỏ, bổ sung, sửa đổi...) một cách linh hoạt, phù hợp tình hình thực tiễn phát triển của xã hội, nhu cầu cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ nhanh chóng. Vì

<sup>1</sup> Ví dụ: Hiệp định tương trợ tư pháp về dân sự với Lào năm 2023, với Thái Lan năm 2022, với Hungary năm 2018, trong đó, vấn đề công nhận và cho thi hành được quy định là một nội dung thuộc phạm vi tương trợ tư pháp.

vậy, Bộ Ngoại giao đề nghị Quý Bộ cân nhắc nghiên cứu, xây dựng Luật theo hướng chỉ quy định những vấn đề nguyên tắc, hướng dẫn chung; các nội dung mang tính kỹ thuật như trình tự thực hiện, thời gian xử lý hồ sơ v.v. nên được quy định chi tiết ở văn bản dưới luật. Trong đó, Bộ Ngoại giao thấy rằng những vấn đề mang nặng tính kỹ thuật thì nên được hướng dẫn, quy định tại văn bản cấp thông tư hoặc thông tư liên tịch, ví dụ như: mẫu văn bản từ chối thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự cho phía nước ngoài (Điều 23), các biểu mẫu, thủ tục chuyển hồ sơ tương trợ tư pháp về dân sự giữa các cơ quan liên quan (Điều 12, 15, 16, 28,..).

## 2.2. Các góp ý cụ thể

- Kế thừa tinh thần của Luật Tương trợ tư pháp 2007 (Điều 4), đề nghị bổ sung quy định về nguyên tắc tương trợ tư pháp dân sự (Điều 7 dự thảo Luật) theo hướng: *trong trường hợp giữa Việt Nam và phía nước ngoài đã có điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp dân sự thì hoạt động tương trợ tư pháp được thực hiện theo điều ước quốc tế đó.*

- Liên quan đến việc thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự theo nguyên tắc “có đi có lại”, Bộ Ngoại giao nhất trí với hướng quy định tại dự thảo Luật<sup>2</sup>. Tuy nhiên, nguyên tắc có đi có lại không chỉ giới hạn ở việc đồng ý/từ chối thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp mà còn có thể liên quan đến nhiều khía cạnh khác như thời gian giải quyết hồ sơ, có yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự hay không v.v.; vì vậy Bộ Ngoại giao cho rằng nên bổ sung một quy định mang tính nguyên tắc ở Điều 39 (Trách nhiệm của Bộ Tư pháp) theo hướng: Bộ Tư pháp *chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xem xét, quyết định áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong quan hệ tương trợ tư pháp về dân sự.*

- Đề nghị bổ sung điều khoản quy định chung, tạo cơ sở pháp lý về xây dựng Hệ thống thông tin tương trợ tư pháp về dân sự.

- Liên quan đến quy định tại Điều 8 về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự, đề nghị bỏ nội dung “chứng nhận lãnh sự” do: Theo quy định tại Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011, chứng nhận lãnh sự là việc cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam chứng nhận con dấu, chữ ký, chức danh trên giấy tờ, tài liệu của Việt Nam để giấy tờ, tài liệu đó được công nhận và sử dụng ở nước ngoài. Luật Tương trợ tư pháp 2007, các hiệp định tương trợ tư pháp về dân sự ta đã ký<sup>3</sup> chỉ quy định về vấn đề hợp pháp hóa, không quy định về chứng nhận lãnh sự. Ngoài ra, để bao quát đầy đủ hơn các trường hợp, đề nghị quy định theo hướng: *hồ sơ tương trợ tư pháp về dân sự không phải hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác hoặc theo yêu cầu của nước được yêu cầu hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.*

<sup>2</sup> Bộ Ngoại giao thấy rằng: Vấn đề áp dụng nguyên tắc có đi có lại đang được thiết kế trên tinh thần kế thừa Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2016. Thông tư này không quy định cụ thể về việc *đương nhiên áp dụng* mà chỉ nêu nguyên tắc về việc cơ quan có thẩm quyền có thể từ chối thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự cho nước ngoài trên cơ sở có đi có lại trong một số trường hợp nhất định (Điều 5 Thông tư liên tịch số 12); tức là chỉ phát sinh nhu cầu áp dụng nguyên tắc có đi có lại khi từ chối thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp của phía nước ngoài (không phải là “đương nhiên áp dụng”).

<sup>3</sup> Ví dụ: Hiệp định với Algeria (Điều 5), Belarus (Điều 11), Campuchia (Điều 11), Pháp (Điều 26), Hungary (Điều 6), Kazakhstan (Điều 14), Lào (Điều 12), Thái Lan (Điều 10).

- Đề nghị cần nhắc đưa các điều khoản quy định về việc chuyển, thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự bằng phương thức điện tử (Điều 20, 21, 32, 33) thành một mục riêng vì các yêu cầu về hồ sơ, thời gian giải quyết khác với phương thức thông thường. Bên cạnh đó, đề nghị Quý Bộ nghiên cứu thêm khả năng áp dụng phương thức này không chỉ với các hồ sơ gửi trực tiếp mà cả các hồ sơ gửi qua đường ngoại giao (hồ sơ gửi qua Bộ Ngoại giao và/hoặc các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài). Trong trường hợp đó, có thể cho phép quy định rút ngắn thời gian xử lý và không yêu cầu về số bộ hồ sơ giấy.

- Về chương V (Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước có liên quan trong hoạt động tương trợ tư pháp về dân sự):

+ Khoản 8 Điều 39 (Trách nhiệm của Bộ Tư pháp): đề nghị chỉnh lý theo hướng “*Chủ trì, phối hợp với các cơ quan hữu quan xây dựng và quản lý Hệ thống thông tin tương trợ tư pháp về dân sự*” để làm rõ cơ quan có trách nhiệm quản lý, bảo đảm vận hành thông suốt Hệ thống này.

+ Dự thảo Luật đang bỏ quy định trách nhiệm của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài (CQĐD). Tuy nhiên, các CQĐD tham gia vào trình tự, thủ tục gửi, nhận hồ sơ tương trợ tư pháp, Bộ Ngoại giao đề xuất bổ sung quy định về trách nhiệm của CQĐD tại dự thảo Luật cho phù hợp với nhiệm vụ thực tế của CQĐD, quy định của Luật Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và kế thừa Luật Tương trợ tư pháp 2007<sup>4</sup>.

+ Điều 41 (Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao):

(i) Đề nghị bổ sung 01 khoản “*Chỉ đạo, đôn đốc việc thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài*”.

(ii) Tại khoản 2, đề nghị điều chỉnh như sau: “*Cung cấp thông tin về ngôn ngữ trong tương trợ tư pháp về dân sự, chi phí và các quy định khác có liên quan của nước ngoài trong trường hợp Việt Nam và nước đó chưa ký kết điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp về dân sự theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền*”.

(iii) Đối với khoản 3, quy định Bộ Ngoại giao “*hỗ trợ chuyên chi phí thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự cho cơ quan, tổ chức ở nước ngoài trong những trường hợp đặc biệt*” chưa phù hợp do: Tài khoản của các CQĐD mở tại nước ngoài là nhằm thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận và quản lý kinh phí được cấp từ ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật (Điều 15 Luật Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài năm 2009). Trên thực tế Bộ Ngoại giao ghi nhận rất ít phản ánh về những trường hợp gặp khó khăn trong việc chuyên chi phí thực hiện tương trợ tư pháp. Trên cơ sở đề nghị của Bộ Tư pháp hoặc các cơ quan chức năng, Bộ Ngoại giao vẫn sẽ chỉ đạo các CQĐD hỗ trợ, thực hiện các nhiệm vụ cần thiết phục vụ cho công tác tương trợ tư pháp. Tuy nhiên, việc có thể hỗ trợ chuyên tiền thông qua CQĐD hay không còn phụ thuộc

<sup>4</sup> Có thể xem xét quy định trách nhiệm của các CQĐD theo hướng: “*Tiếp nhận, gửi yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự, thông báo kết quả thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự theo thẩm quyền, báo cáo tình hình thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự và phối hợp trong hoạt động tương trợ tư pháp về dân sự khi có yêu cầu, phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và không trái với pháp luật của nước sở tại*”.

với quy định pháp luật về tài chính, quy định của nước ngoài<sup>5</sup> cũng như khả năng thực tế của CQDD. Việc chuyển, gửi tiền thông qua tài khoản của CQDD có thể làm phát sinh nguy cơ tài khoản của CQDD bị khóa hoặc đóng băng. Vì vậy, Bộ Ngoại giao cho rằng vấn đề này không nên được quy định thành một nguyên tắc “cứng” trong Luật.

- Liên quan đến các quy định dẫn chiếu tới pháp luật tương trợ tư pháp về dân sự tại Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 nêu tại khoản 3.c Điều 45 dự thảo Luật: do dự thảo Luật Tương trợ tư pháp về dân sự đang không quy định các nội dung ngoài tương trợ tư pháp về dân sự (như phương thức tổng đạt trong tương trợ tư pháp về tố tụng hành chính, yêu cầu tương trợ tư pháp về tố tụng hành chính), đề nghị Quý Bộ cân nhắc điều chỉnh các quy định dẫn chiếu nêu trên theo hướng: “...thực hiện theo *nguyên tắc, quy trình, thủ tục như* tương trợ tư pháp về dân sự”.

- Tại khoản 4 Điều 45: Do nhiệm vụ quy định tại khoản 13 Điều 8 Luật Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài năm 2009 không chỉ liên quan đến tương trợ tư pháp về dân sự mà còn liên quan đến các lĩnh vực tương trợ tư pháp khác (về hình sự, dẫn độ, chuyển giao người bị kết án phạt tù), đề nghị cân nhắc kỹ việc sửa điều khoản này của Luật Cơ quan đại diện. Nếu thực sự cần thiết sửa thì đề nghị Quý Bộ phối hợp với các cơ quan chủ trì xây dựng các Luật về tương trợ tư pháp về hình sự, dẫn độ, chuyển giao người bị kết án phạt tù và Bộ Ngoại giao để thiết kế cách diễn đạt hợp lý.

3. Bộ Ngoại giao xin đóng góp ý kiến như trên để Quý Bộ tổng hợp và sẽ chủ động, tích cực phối hợp với Quý Bộ trong quá trình xây dựng các điều khoản, câu chữ chi tiết trong cơ chế Tổ biên tập và ở cấp chuyên viên.

Xin cảm ơn sự phối hợp của Quý Bộ./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Đơn vị: LPQT (đề p/h);
- Lưu: HC, LS.

**TL. BỘ TRƯỞNG  
CỤC TRƯỞNG CỤC LÃNH SỰ**



**Đoãn Hoàng Minh**

<sup>5</sup> Một số nước (như Trung Quốc, Nhật Bản, Ba Lan, Thổ Nhĩ Kỳ) hạn chế việc người nước ngoài mở và sử dụng tài khoản ngân hàng nội địa; hạn mức giao dịch dành cho các cơ quan ngoại giao chỉ giới hạn ở mức tín dụng trung bình. Thủ tục nhận, chuyển tiền thông qua tài khoản của CQDD rất phức tạp do CQDD phải giải trình, thuyết minh bằng công hàm nội dung cụ thể của từng khoản tiền tiến/đi; một số ngân hàng yêu cầu đích thân chủ tài khoản (là Thủ trưởng CQDD) phải đến giao dịch trực tiếp.

**BỘ CÔNG AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3776 /BCA-V03

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2024

V/v tham gia ý kiến dự thảo Luật  
Tương trợ tư pháp về dân sự

<b>BỘ TƯ PHÁP</b>	
Ngày	26/10
Số	2024

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Trả lời Công văn số 5074/BTP-PLQT ngày 26/9/2023 của Bộ Tư pháp về việc đề nghị tham gia ý kiến đối với dự thảo Luật Tương trợ tư pháp về dân sự (TTTP), Bộ Công an có ý kiến như sau:

**1. Về dự thảo Tờ trình Chính phủ**

- Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung, chỉnh lý dự thảo Tờ trình theo đúng quy định tại mẫu số 3 (Tờ trình dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật) của Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

- Chỉnh sửa tên mục II (mục đích, quan điểm xây dựng dự án Luật TTTP về dân sự) dự thảo Tờ trình thành mục đích ban hành, quan điểm xây dựng dự án Luật TTTP về dân sự. Cùng đó, tiểu mục 1 và tiểu mục 2 của mục II này sửa thành (1) Mục đích ban hành Luật; (2) Quan điểm xây dựng dự án Luật.

- Cơ quan chủ trì soạn thảo cần nhắc bổ sung mục riêng quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo Luật, theo đó, mỗi tiểu mục tương ứng với từng nội dung như đã nêu bảo đảm đúng, chính xác với mẫu dự thảo Tờ trình nêu rõ được thông tin, nội dung cần truyền tải, chứa đựng của từng mục này.

**2. Về dự thảo Luật Tương trợ tư pháp về dân sự**

- Tại Điều 2 (Đối tượng áp dụng). Đề nghị chỉnh sửa lại như sau: “Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam; và cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến hoạt động tương trợ tư pháp về dân sự” cho rõ ràng, cụ thể và phân định rõ đối tượng áp dụng của dự thảo Luật.

- Đề nghị nghiên cứu, cân nhắc bổ sung giải thích từ ngữ đối với thuật ngữ “hoạt động tương trợ tư pháp về dân sự” để có sự thống nhất thực hiện, áp dụng, phối hợp thực hiện giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật. Bảo đảm trong văn bản có thuật ngữ chuyên môn cần phải làm rõ nội dung thì thuật ngữ đó phải giải thích.

- Cân nhắc bỏ khoản 5 Điều 4 giải thích từ ngữ đối với thuật ngữ “đương sự”, đồng thời cần chỉ rõ “cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan khác” của thuật

Hương  
TP  
5/24  
10  
ĐD  
5.10  
2024





ngữ này gồm những người, cơ quan nào. Bởi vì, thuật ngữ đương sự đã được giải thích và quy định cụ thể tại Điều 68 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, giải thích như dự thảo Luật sẽ vừa thừa vừa thiếu.

- Đề nghị chỉnh sửa điểm a khoản 3 Điều 5 như sau: “Cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài có văn bản đề nghị áp dụng pháp luật của nước đó” bảo đảm rõ chủ thể, logic về nội dung của điểm này.

- Đề nghị nghiên cứu, bổ sung điều riêng quy định về áp dụng nguyên tắc có đi có lại để tạo thuận lợi cho cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam trong quá trình thực hiện, áp dụng hoạt động TTTP về dân sự với cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài và cơ cấu điều này trong Chương I.

- Khoản 2 Điều 7 (Ngôn ngữ trong tương trợ tư pháp về dân sự) chỉnh sửa lại như sau: “Hồ sơ TTTP về dân sự phải kèm theo bản dịch ra ngôn ngữ của nước được yêu cầu hoặc dịch ra một ngôn ngữ khác mà nước được yêu cầu chấp nhận. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 điều này”.

- Tại khoản 1 Điều 9 chỉnh sửa lại như sau: “Cơ quan tiến hành tố tụng dân sự có thẩm quyền của Việt Nam và nước ngoài có thể triệu tập người làm chứng, người giám định theo quy định của Luật này...”. Bảo đảm đúng, chính xác, thống nhất với Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và tránh trùng lặp với cơ quan tiến hành tố tụng hình sự.v.v...

- Điều 10 của dự thảo Luật quy định về thẩm quyền yêu cầu TTTP về dân sự của Việt Nam là “Cơ quan, người có thẩm quyền yêu cầu TTTP về dân sự của Việt Nam là Tòa án nhân dân, Cơ quan thi hành án dân sự, Viện kiểm sát nhân dân và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam”. Tuy nhiên, các chủ thể liệt kê trong điều này đều là các cơ quan, chưa rõ chủ thể người như nội dung quy định của điều trong dự thảo. Cần xác định rõ những người có thẩm quyền yêu cầu TTTP về dân sự của điều này là những người nào.

- Cơ quan chủ trì soạn thảo cần xác định, thống nhất sử dụng và chỉ rõ cơ quan, người, một số thuật ngữ đang sử dụng trong dự thảo Luật như: Cơ quan, người có thẩm quyền yêu cầu TTTP về dân sự (Điều 10); Người có thẩm quyền giải quyết vụ việc có yêu cầu TTTP về dân sự (Điều 11); Cơ quan, người có thẩm quyền lập (Điều 15); Cơ quan, người yêu cầu (khoản 2 Điều 15).

- Điều 11 (Hồ sơ yêu cầu TTTP về dân sự của Việt Nam) chỉnh sửa điểm a khoản 1 như sau: “Văn bản yêu cầu TTTP về dân sự của Việt Nam quy định tại Điều 12 của Luật này” bảo đảm từ ngữ chỉ nội dung giống nhau phải được sử dụng thống nhất trong văn bản và chính xác nội dung cần quy định.

- Điều 12 Văn bản yêu cầu TTTP về dân sự của Việt Nam. Đề nghị nghiên cứu bổ sung trường thông tin bảo đảm tương thích với Luật Căn cước cũng như khi Luật TTTP về dân sự được Quốc hội thông qua, có hiệu lực thi hành sẽ thuận lợi hơn trong thực hiện hoạt động TTTP về dân sự trên môi trường điện tử. Theo đó, cần nhắc bổ sung thông tin cần có trong văn bản yêu cầu TTTP về dân sự của



Việt Nam như: Giới tính; Nơi sinh; Dân tộc; Quốc tịch; Số Chứng minh nhân dân; Hộ chiếu; Căn cước công dân; Căn cước và nơi cấp.v.v... Cùng đó, với cá nhân, người yêu cầu, đương sự thì bên cạnh thông tin hiện nay chỉ có phần “Tên” nên bổ sung thành “Họ, chữ đệm và tên” bảo đảm sự thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành; Bổ sung một điểm trong khoản 1 Điều 12 với nội dung “căn cứ yêu cầu TTTP về dân sự” sẽ đầy đủ thông tin cần thu thập.

- Điều 13 (Cách thức lập hồ sơ yêu cầu TTTP về dân sự), nghiên cứu chỉnh sửa như sau:

+ Tại khoản 1 chỉnh sửa thành “Văn bản yêu cầu TTTP về dân sự của Việt Nam quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 của Luật này...”.

+ Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Luật Công chứng năm 2014 “Công chứng là việc của một tổ chức hành nghề công chứng chứng nhận tính xác thực, hợp pháp của hợp đồng, giao dịch dân sự khác bằng văn bản, tính chính xác, hợp pháp không trái đạo đức xã hội của bản dịch giấy tờ, văn bản từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài hoặc từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt mà theo quy định của pháp luật phải công chứng hoặc cá nhân, tổ chức tự nguyện yêu cầu công chứng”. Do vậy, khoản 2 Điều 13 đề nghị sửa thành “Bản dịch và bản sao của các văn bản, giấy tờ tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 11 của Luật này phải được công chứng, chứng thực hợp lệ theo quy định của pháp luật...”. Cùng đó, chỉnh sửa đoạn đầu khoản 2 thành “Văn bản yêu cầu TTTP về dân sự của Việt Nam quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 của Luật này...” cho thống nhất với quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến nội dung quy định của điều.

- Về Điều 16 (Trình tự, thủ tục nhận và gửi hồ sơ TTTP về dân sự của Việt Nam tại Bộ Ngoại giao và cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài) cần nhắc chỉnh sửa và bố cục như sau:

+ Tên của Điều 16 sửa lại thành “Trình tự, thủ tục nhận và gửi hồ sơ yêu cầu TTTP về dân sự của Việt Nam tại Bộ Ngoại giao và Cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài” cho đầy đủ, chính xác, đúng với nội dung chứa đựng và quy định của điều.

+ Chuyển đoạn “Trường hợp hồ sơ được chuyển cho Bộ Ngoại giao theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 15 của Luật này, trình tự, thủ tục nhận và gửi hồ sơ như sau” thành khoản 1, tiếp đó, khoản 1, khoản 2 của dự thảo thành điểm a, điểm b của khoản 1. Đồng thời, chuyển khoản 3 với nội dung “Trường hợp yêu cầu TTTP về dân sự gửi đến tại một thời điểm có số lượng lớn hoặc tính chất phức tạp, thời hạn quy định tại khoản 1 điều này có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày” thành khoản 2 trong bố cục của điều này.

+ Cần nhắc việc Bộ Ngoại giao và Cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài cũng thực hiện việc kiểm tra hồ sơ TTTP về dân sự khi tiếp nhận tại thời điểm vào sổ quản lý hồ sơ. Bởi vì, sẽ có trường hợp nhận hồ sơ yêu cầu TTTP về dân sự được chuyển đến nhưng chưa đầy đủ, tài liệu, giấy tờ theo quy định của Luật, như vậy Bộ Ngoại giao, Cơ quan đại diện sẽ phải xử lý như thế nào; có trả



lại hồ sơ không; thời điểm chuyển trả; phương thức chuyển trả lại hồ sơ để yêu cầu bổ sung đúng quy định của pháp luật hiện hành của Việt Nam.

- Tại Điều 24 (Hồ sơ yêu cầu TTTP về dân sự của nước ngoài)

+ Về tên điều chỉnh sửa thành “Hồ sơ yêu cầu TTTP về dân sự của nước ngoài gửi Việt Nam” bảo đảm chính xác, rõ chủ thể gửi yêu cầu.

+ Chính sửa nội dung khoản 2 như sau: “Ngoài văn bản tại khoản 1 Điều này, hồ sơ yêu cầu TTTP về dân sự của nước ngoài...”. Cùng đó, cần nhắc bổ sung điểm c với nội dung Giấy tờ theo quy định của nước ngoài và điểm d Giấy tờ theo quy định của Việt Nam (nếu có) sẽ đầy đủ, chính xác, cụ thể hơn với trường hợp khi nước ngoài gửi yêu cầu TTTP về dân sự đến Việt Nam và Việt Nam kiểm tra thông tin, đối chiếu với quy định của pháp luật trong nước thấy chưa đầy đủ, xét thấy cần thiết phải có theo quy định, qua đó sẽ có yêu cầu nước ngoài bổ sung giấy tờ, tài liệu của hồ sơ TTTP về dân sự của nước ngoài.

- Đề nghị nghiên cứu, cần nhắc bỏ khoản 6 Điều 35 (Chi phí thực hiện TTTP về dân sự) về nội dung Việt Nam và nước ngoài có thể ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về việc miễn phí, lệ phí thực hiện TTTP về dân sự... Bởi vì, việc ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế của mỗi bộ, ngành theo chức năng quản lý nhà nước mỗi cơ quan, đơn vị, lĩnh vực cụ thể hay khi có yêu cầu mà đáp ứng tiêu chí theo quy định của Luật Điều ước quốc tế năm 2016, Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020 và các văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành thì cơ quan chủ trì của mỗi bộ, ngành sẽ đề xuất ký kết, gia nhập điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế đó.

- Đề nghị cần nhắc chuyển nội dung “Chính phủ quy định chi tiết về mẫu Văn bản thông báo kết quả thực hiện TTTP về dân sự của nước ngoài” tại khoản 1 Điều 29 về Điều 12 quy định về mẫu văn bản yêu cầu TTTP về dân sự của Việt Nam. Bảo đảm cùng cấp ban hành văn bản quy phạm pháp luật về thẩm quyền của Chính phủ về các mẫu Văn bản yêu cầu TTTP về dân sự của Việt Nam và Văn bản thông báo kết quả thực hiện TTTP về dân sự của nước ngoài, không cần thiết ban hành nhiều văn bản thực hiện trong khi có thể gộp nội dung và không trái quy định của pháp luật hiện hành.

Trên đây là ý kiến của Bộ Công an, xin trao đổi để các đồng chí tập hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Đ/c Bộ trưởng (để b/c);
- Đ/c Thứ trưởng Lê Quốc Hùng (để b/c);
- Lưu: VT, V03(P5).

TU Q. BỘ TRƯỞNG  
CỤC TRƯỞNG CỤC PHÁP CHẾ VÀ  
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, TƯ PHÁP



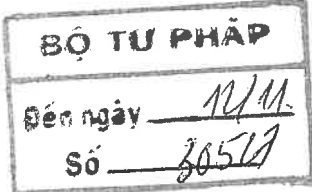
Thiếu tướng Phạm Công Nguyên



Số: 294 /TANDTC-HTQT

V/v đóng góp ý kiến vào dự thảo Tờ trình  
và Luật tương trợ tư pháp về dân sự

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2024



Kính gửi: Bộ Tư pháp

Sau khi nghiên cứu các dự thảo: Tờ trình Chính phủ và Luật tương trợ tư pháp về dân sự gửi kèm Công văn số 6213/BTP-PLQT ngày 28/10/2024 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao có ý kiến như sau:

### 1. Về dự thảo Tờ trình Chính phủ

#### 1.1. Về sự cần thiết ban hành Luật tương trợ tư pháp về dân sự

Dự thảo Tờ trình Chính phủ cơ bản đã thể hiện được sự cần thiết ban hành Luật tương trợ tư pháp về dân sự. Mặc dù vậy, Tòa án nhân dân tối cao nhận thấy cần sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong dự thảo Tờ trình Chính phủ để làm rõ hơn các căn cứ về sự cần thiết ban hành Luật này như sau:

##### 1.1.1. Về cơ sở chính trị, pháp lý

Theo quy định của pháp luật hiện hành, yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự và thực hiện yêu cầu này thực chất và chủ yếu là hoạt động tố tụng dân sự mà Việt Nam và nước ngoài hỗ trợ thực hiện cho nhau để giải quyết vụ việc thuộc thẩm quyền của Tòa án mỗi nước. Do đó, các yêu cầu tương trợ tư pháp quy định trong Luật tương trợ tư pháp về dân sự chỉ có thể phát huy được hiệu quả nếu pháp luật tố tụng dân sự trong nước có quy định về loại hoạt động tố tụng, cách thức thực hiện loại hoạt động tố tụng mà Tòa án ủy thác cho nước ngoài thực hiện và ngược lại.

Từ trước tới nay, yêu cầu và thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự của Tòa án Việt Nam và Tòa án nước ngoài chủ yếu đang được tiến hành theo các phương thức tố tụng truyền thống. Tuy nhiên, trong thời gian tới, cách thức thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp sẽ có sự thay đổi khi pháp luật tố tụng tại Tòa án được sửa đổi, bổ sung theo hướng chuyển đổi một số hoạt động tố tụng từ phương thức truyền thống sang phương thức điện tử, trực tuyến trên nền tảng công nghệ thông tin, công nghệ số hóa. Đây là một trong những giải pháp quan trọng để Tòa án nhân dân tối cao thực hiện nhiệm vụ “xây dựng Tòa án điện tử” đã được đặt ra tại Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 9/11/2022 Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới (Nghị quyết 27-NQ/TW ngày 9/11/2022). Vì vậy, Tòa án nhân dân tối cao đề nghị bổ sung căn cứ về sự cần thiết ban hành Luật tương trợ tư pháp về dân sự như sau:

Việc xây dựng, ban hành Luật này góp phần thực hiện nhiệm vụ “xây dựng Tòa án điện tử” mà Nghị quyết 27-NQ/TW ngày 9/11/2022 đã đề ra nhằm bảo đảm

Thư  
TP  
12/11/24  
An

hoạt động tố tụng tư pháp dân chủ, công bằng, văn minh, pháp quyền, hiện đại, nghiêm minh, dễ tiếp cận, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân.

### 1.1.2. Về căn cứ thực tiễn

Luật tương trợ tư pháp hiện hành (phần dân sự) có mối quan hệ mật thiết với Bộ luật tố tụng dân sự. Theo đó, khi giải quyết vụ việc dân sự có đương sự ở nước ngoài hoặc cần thu thập chứng cứ ở nước ngoài, Tòa án Việt Nam áp dụng Luật tương trợ tư pháp (phần dân sự) để ủy thác cho nước ngoài thực hiện các hoạt động tổng đạt văn bản tố tụng và thu thập chứng cứ. Ngược lại, khi nước ngoài ủy thác cho Việt Nam thực hiện hoạt động tố tụng dân sự, Tòa án Việt Nam áp dụng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để thực hiện yêu cầu đó.

Bên cạnh đó, xuất phát từ đòi hỏi của thực tiễn, ngoài Bộ luật tố tụng dân sự, các luật khác như: Luật tố tụng hành chính, Luật phá sản đều có quy định về việc Tòa án Việt Nam áp dụng pháp luật tương trợ tư pháp về dân sự để ủy thác cho nước ngoài thực hiện hoạt động tố tụng. Mặc dù vậy, việc sửa đổi, bổ sung Luật tương trợ tư pháp đã không được đặt ra khi các luật nêu trên được sửa đổi, bổ sung vào các năm 2014 và 2015 để bảo đảm sự tương thích, hỗ trợ Tòa án Việt Nam ủy thác cho nước ngoài thực hiện hoạt động tổng đạt văn bản tố tụng trong vụ án hành chính, việc phá sản có đương sự ở nước ngoài.

Hiện nay, Tòa án Việt Nam có quan hệ hợp tác tố tụng dân sự chủ yếu (tổng đạt văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ) với nước ngoài theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và con đường ngoại giao. Trong đó, trên cơ sở điều ước quốc tế, Tòa án Việt Nam có quan hệ hợp tác tố tụng dân sự với 18 nước theo Hiệp định tương trợ tư pháp song phương và 114 nước theo Công ước tổng đạt giấy tờ và Công ước thu thập chứng cứ ở nước ngoài của Hội nghị La Hay về Tư pháp quốc tế.<sup>1</sup> Trong nhiều năm tới, số lượng nước có quan hệ hợp tác quốc tế về tố tụng dân sự với Tòa án Việt Nam sẽ tiếp tục tăng lên theo điều ước quốc tế song phương mà Việt Nam ký với nước ngoài và sự chấp thuận của các nước thành viên Công ước thu thập chứng cứ. Thực tiễn cho thấy Công ước tổng đạt giấy tờ và Công ước thu thập chứng cứ ở nước ngoài cho phép các nước thành viên yêu cầu và thực hiện yêu cầu ủy thác tư pháp tổng đạt giấy tờ bằng văn bản điện tử, lấy lời khai của người làm chứng, đương sự ở nước thành viên khác theo phương thức trực tuyến.

Tuy nhiên, do các luật tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, tố tụng phá sản và Luật tương trợ tư pháp không có quy định nên Tòa án Việt Nam không có căn cứ để đề nghị nước ngoài thực hiện hoặc cho phép thực hiện hoạt động tố tụng tổng đạt văn bản bằng văn bản điện tử hoặc lấy lời khai trực tuyến đối với đương sự ở nước ngoài thông qua mạng truyền số liệu chuyên dùng hoặc mạng internet. Hạn chế này dẫn đến việc Tòa án Việt Nam không thể chủ động kiểm soát được thời hạn tố tụng do mất nhiều thời gian để chờ đợi kết quả thực hiện ủy thác của nước ngoài, làm ảnh hưởng đến việc tiến hành các quy trình tố tụng tiếp theo và kết quả giải quyết vụ việc.

<sup>1</sup> <https://www.hcch.net/en/instruments/conventions/status-table/?cid=17;>  
[https://www.hcch.net/en/instruments/conventions/status-table/?cid=82.](https://www.hcch.net/en/instruments/conventions/status-table/?cid=82)



Ngày 24/6/2024, Quốc hội đã thông qua Luật tổ chức Tòa án nhân dân. Luật này thay thế Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2025. Theo quy định của Luật này, hệ thống Tòa án có các Tòa án sơ thẩm chuyên biệt tương ứng với từng lĩnh vực: sở hữu trí tuệ, phá sản, hành chính. Đồng thời, Luật này cũng có quy định điều chỉnh thẩm quyền thu thập chứng cứ của Tòa án trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính theo hướng Tòa án hỗ trợ thu thập tài liệu, chứng cứ bằng việc yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, chứng cứ trong vụ án hành chính, vụ việc dân sự và các vụ việc khác theo quy định của pháp luật trong trường hợp các bên đã thực hiện các biện pháp cần thiết nhưng không thu thập được tài liệu, chứng cứ và đề nghị Tòa án hỗ trợ. Quy định này cũng được áp dụng trong giải quyết, xét xử vụ việc dân sự, vụ án hành chính có yếu tố nước ngoài.

Như vậy, thực tiễn nêu trên là một trong các căn cứ cần thiết để ban hành Luật tương trợ tư pháp về dân sự, nhằm hỗ trợ Tòa án Việt Nam ủy thác cho nước ngoài thực hiện một số hoạt động tố tụng để giải quyết vụ việc dân sự, vụ án hành chính. Trên tinh thần đó, Tòa án nhân dân tối cao đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung về cơ sở thực tiễn của sự cần thiết ban hành Luật tương trợ tư pháp về dân sự trong dự thảo Tờ trình Chính phủ như sau:

*Một là*, Luật tương trợ tư pháp (phần dân sự) chưa hỗ trợ hiệu quả hoạt động giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài có phát sinh yêu cầu ủy thác cho nước ngoài thực hiện một số hoạt động tố tụng chủ yếu (tổng đạt, thu thập chứng cứ) và thực hiện yêu cầu ủy thác của nước ngoài về tố tụng dân sự. Cùng với đó, Luật này chưa dự tính được hoạt động tương trợ tư pháp còn phát sinh từ hoạt động giải quyết vụ án hành chính, việc phá sản có yếu tố nước ngoài tại Tòa án Việt Nam.

*Hai là*, hiện nay Tòa án Việt Nam có quan hệ hợp tác quốc tế về tố tụng dân sự với 18 nước theo Hiệp định tương trợ tư pháp song phương và 114 nước theo Công ước tổng đạt giấy tờ và Công ước thu thập chứng cứ ở nước ngoài của Hội nghị La Hay về Tư pháp quốc tế. Trong thời gian tới, số lượng các nước mà Tòa án Việt Nam có quan hệ hợp tác quốc tế về tố tụng dân sự theo điều ước quốc tế sẽ còn tăng lên. Do đó, cần phải tận dụng tối đa các lợi ích có được từ điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên để nội luật hóa vào Luật tương trợ tư pháp về dân sự, đặc biệt là việc ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số hóa trong thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp mà các điều ước quốc tế này cho phép áp dụng. Điều này đồng thời cũng là cơ sở pháp lý để các luật tố tụng (tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, tố tụng phá sản) tiếp tục hoàn thiện.

*Ba là*, phù hợp với sự thay đổi về tổ chức, hoạt động của hệ thống Tòa án theo quy định của Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024, cần phải tạo cơ chế để từng bước xã hội hóa một số hoạt động tương trợ tư pháp mà Tòa án Việt Nam thực hiện cho nước ngoài, cụ thể là hoạt động tổng đạt giấy tờ, nhằm giảm tải công việc cho Tòa án và rút ngắn thời gian thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp của nước ngoài.

## **1.2. Về mục đích, quan điểm xây dựng dự án Luật tương trợ tư pháp về dân sự**

Tòa án nhân dân tối cao cơ bản nhất trí với nội dung trong dự thảo Tờ trình Chính phủ về mục đích, quan điểm xây dựng Luật tương trợ tư pháp về dân sự. Tuy nhiên, như đã phân tích ở phần trên, Luật tương trợ tư pháp (hiện hành) hay dự án Luật tương trợ tư pháp về dân sự có tác động lớn đến hoạt động của Tòa án Việt Nam trong việc giải quyết vụ việc dân sự, vụ án hành chính, việc phá sản có phát sinh yêu cầu ủy thác cho nước ngoài thực hiện một số hoạt động tố tụng. Do đó, Tòa án nhân dân tối cao đề nghị bổ sung vào nội dung quan điểm xây dựng Luật này (phần “Ba là...”) tại mục 2 Phần II dự thảo Tờ trình Chính phủ nội dung sau đây:

Việc xây dựng, ban hành Luật tương trợ tư pháp về dân sự góp phần tạo cơ sở pháp lý cho việc hoàn thiện pháp luật tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, tố tụng phá sản thống nhất, tương thích với Luật này.

## **2. Về nội dung dự thảo Luật tương trợ tư pháp về dân sự**

### **2.1. Về Điều 3 dự thảo Luật**

Hiện nay, Luật tố tụng hành chính, Luật phá sản đều có quy định viện dẫn Tòa án áp dụng pháp luật tương trợ tư pháp về dân sự khi ủy thác cho nước ngoài thực hiện hoạt động tố tụng hành chính, tố tụng phá sản. Bên cạnh đó, cũng có thể phát sinh các trường hợp nước ngoài ủy thác cho Việt Nam thực hiện một số hoạt động tố tụng để giải quyết vụ án hành chính hoặc phá sản tại Tòa án nước ngoài. Do đó, Điều 3 dự thảo Luật cần làm rõ hoạt động ủy thác tư pháp của Tòa án Việt Nam cho nước ngoài theo quy định của các Luật nêu trên và yêu cầu ủy thác của nước ngoài về tố tụng hành chính, tố tụng phá sản có thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này hay không.

Bên cạnh đó, đối với quy định “các yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự khác” tại khoản 4 Điều 3 dự thảo Luật, Tòa án nhân dân tối cao nhận thấy quy định này chưa đủ rõ, có thể phát sinh các ý kiến khác nhau và không thống nhất được về loại “yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự khác” theo quy định tại khoản này là loại yêu cầu cụ thể nào. Do đó, để hạn chế phát sinh tình trạng nêu trên, cần sửa đổi quy định tại khoản 4 Điều 3 dự thảo Luật như sau:

“4. Các yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự khác được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật có liên quan hoặc trong điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên”.

### **2.2. Về khoản 1 Điều 4 dự thảo Luật**

Hiện nay Điều 34 dự thảo Luật có quy định về việc Việt nam có thể cho phép nước ngoài lấy lời khai trực tuyến theo hình thức trực tiếp mà không cần có sự hỗ trợ, giám sát của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

Để bảo đảm sự hài hòa, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho Tòa án Việt Nam lấy lời khai của người làm chứng, đương sự ở nước ngoài, Tòa án nhân dân tối cao đề nghị bổ sung thêm một Điều trong dự thảo Luật quy định về việc Việt Nam yêu cầu

nước ngoài cho phép lấy lời khai trực tuyến để hỗ trợ việc giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài kịp thời, nhanh chóng, đúng pháp luật.

Trên tinh thần đó, Tòa án nhân dân tối cao đề nghị sửa đổi, bổ sung các quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 4 dự thảo Luật theo hướng quy định: tương trợ tư pháp là việc “hợp tác, hỗ trợ...thực hiện “*hoặc cho phép thực hiện*” một hoặc một số hoạt động quy định tại Điều 3 của Luật này.

### **2.3. Về khoản 2 Điều 14 dự thảo Luật**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 14 dự thảo Luật, thì hồ sơ yêu cầu tương trợ tư pháp của Tòa án Việt Nam sẽ bị Bộ Tư pháp xác định là không hợp lệ nếu tính từ thời điểm nhận được hồ sơ mà Bộ Tư pháp xác định thấy không đủ thời gian để thực hiện yêu cầu đó theo quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam nước đó là thành viên hoặc theo quy định của nước được Tòa án Việt Nam yêu cầu. Trong trường hợp này Bộ Tư pháp sẽ trả lại hồ sơ cho Tòa án Việt Nam.

Đối với quy định khoản 2 Điều 14 dự thảo Luật nêu trên, Tòa án nhân dân tối cao đề nghị bãi bỏ vì các lý do sau đây:

*Thứ nhất*, hiện nay trong số các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, chỉ có một số điều ước quốc tế song phương quy định về thời hạn tối đa mà nước được yêu cầu cần hoàn thành hoạt động tố tụng mà nước yêu cầu đã uỷ thác. Tuy nhiên, các điều ước quốc tế đa phương lại không có quy định cụ thể về thời hạn mà nước được yêu cầu cần kết thúc hoạt động tố tụng được uỷ thác thực hiện.

Ví dụ: thời hạn tối đa mà nước được yêu cầu cần hoàn thành hoạt động tố tụng mà nước yêu cầu đã uỷ thác là 90 ngày (Điều 9 Hiệp định tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự giữa Việt Nam và Ca-dắc-xtan) hoặc 120 ngày (Điều 7 Hiệp định tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự giữa Việt Nam và Hung-ga-ri) hoặc 150 ngày (Điều 9 Hiệp định tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự giữa Việt Nam và Cam-pu-chia), kể từ ngày nhận được hồ sơ. Nếu hết thời hạn này mà chưa thực hiện xong, nước được yêu cầu phải thông báo ngay cho nước yêu cầu biết.

Trong khi đó, Công ước tổng đạt giấy tờ và Công ước thu thập chứng cứ ở nước ngoài mà Việt Nam là thành viên (với số lượng thành viên cho đến thời điểm hiện nay là 148 nước) không có quy định về thời hạn mà nước được yêu cầu hoàn thành hoạt động tố tụng được uỷ thác thực hiện.

Như vậy, có thể thấy các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên đều không có quy định về việc nước được yêu cầu đòi hỏi phải nhận được hồ sơ yêu cầu tương trợ tư pháp trước một thời hạn đủ để thực hiện yêu cầu đó như quy định tại khoản 2 Điều 14 dự thảo Luật. Bên cạnh đó, đối với yêu cầu uỷ thác tư pháp cho nước khác theo con đường ngoại giao, các Tòa án Việt Nam không thể có được thông tin về nước được yêu cầu đòi hỏi phải nhận được hồ sơ yêu cầu tương trợ tư pháp trước một thời hạn đủ để thực hiện yêu cầu đó. Mặt khác, tại các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc pháp luật của nhiều nước, thì việc nước được yêu cầu từ chối thực hiện hoạt động tố tụng cho nước khác chủ yếu với lý do việc thực hiện đó xâm phạm đến chủ quyền, an ninh quốc gia, trật tự công cộng của nước được yêu cầu mà không phải lý do không bảo đảm thời hạn thực hiện.

*Thứ hai*, qua tổng kết thực tiễn, Tòa án nhân dân tối cao nhận thấy trung bình hàng năm, Tòa án cấp tỉnh thông qua Bộ Tư pháp ủy thác cho nước mà Việt Nam và nước đó cùng là thành viên điều ước quốc tế thực hiện từ 2.000 đến 3.000 yêu cầu tổng đạt văn bản tố tụng để giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài. Trong phần lớn các yêu cầu này, các Tòa án đều có đề nghị về thời hạn cụ thể mà nước ngoài cần hoàn thành việc thực hiện việc tổng đạt cho đương sự. Mặc dù vậy, thực tế cho thấy đa số các yêu cầu về thời hạn nêu trên chưa được nước ngoài bảo đảm. Trong khi đó, Bộ Tư pháp chưa đủ điều kiện để có thể chủ động kiểm soát về thời hạn này và đề nghị nước ngoài sớm thực hiện các yêu cầu ủy thác của Tòa án Việt Nam. Do đó, nếu quy định tại khoản 2 Điều 14 dự thảo Luật được thiết kế để kiểm soát thời hạn mà các Tòa án Việt Nam đề nghị nước ngoài hoàn thành hoạt động tố tụng, thì quy định này chưa thể hiện đúng mục đích hoặc có sự nhầm lẫn giữa thời hạn mà nước ngoài cần hoàn thành hoạt động tố tụng cho Tòa án Việt Nam với thời hạn tính từ nhận được hồ sơ yêu cầu trợ tư pháp, nước được yêu cầu có đủ thời gian để thực hiện yêu cầu của Tòa án Việt Nam.

*Thứ ba*, theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự hiện hành, yêu cầu ủy thác tư pháp cho nước ngoài thực hiện hoạt động tố tụng tổng đạt, thu thập chứng cứ ở nước ngoài có thể phát sinh ở các giai đoạn khác nhau của quá trình giải quyết vụ việc. Do đó, khi phát sinh yêu cầu này, Tòa án phải lập hồ sơ ủy thác cho nước ngoài thực hiện thông qua Bộ Tư pháp. Đây là quy định bắt buộc thực hiện của Bộ luật tố tụng dân sự, không phụ thuộc vào việc nước ngoài sẽ từ chối nhận hồ sơ hoặc từ chối thực hiện yêu cầu đó của Tòa án Việt Nam. Quy định này cũng sẽ không thay đổi khi Bộ luật tố tụng dân sự được sửa đổi theo quy định mới của Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024 về việc Tòa án phải hỗ trợ đương sự thu thập chứng cứ ở nước ngoài theo đề nghị của đương sự sau khi họ đã thực hiện việc thu thập chứng cứ nhưng không thu thập được chứng cứ đó và có đề nghị Tòa án hỗ trợ.

*Thứ tư*, quy định tại khoản 2 Điều 14 dự thảo Luật cho phép Bộ Tư pháp được tự quyết định thay nước được Tòa án Việt Nam yêu cầu về việc từ chối nhận và thực hiện yêu cầu ủy thác của Tòa án Việt Nam. Nếu quy định này được giữ nguyên sẽ dẫn đến hậu quả vụ việc dân sự tại Tòa án Việt Nam bị đình trệ, không thể tiếp tục giải quyết do văn bản tố tụng đưa cá nhân, tổ chức ở nước ngoài tham gia tố tụng không được tổng đạt cho họ cũng như việc thu thập chứng cứ ở nước ngoài không thực hiện được. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự ở trong nước mà còn làm cho đương sự ở nước ngoài bị mất quyền tiếp cận Tòa án Việt Nam để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của họ. Từ đó, đương sự trong nước sẽ bức xúc, khiếu kiện Tòa án cũng như các cơ quan có thẩm quyền khác về việc Tòa án không tiếp tục giải quyết vụ việc, làm ảnh hưởng quyền, lợi ích hợp pháp của họ. Đặc biệt, hậu quả của việc Bộ Tư pháp trả lại hồ sơ ủy thác của Tòa án có thể còn lớn hơn nếu vụ án mà có đương sự là nhà đầu tư nước ngoài theo các hiệp định đầu tư mà Việt Nam và nước ngoài đó là thành viên. Theo đó, việc Tòa án Việt Nam không thể tiếp tục giải quyết vụ án với lý do Bộ Tư pháp từ chối nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 14 dự thảo Luật sẽ có thể trở thành căn cứ mà nhà đầu tư nước ngoài sử dụng để gây áp lực đòi khởi kiện Nhà nước Việt Nam với lý do Nhà nước

Việt Nam vi phạm nghĩa vụ Hiệp định khi Tòa án Việt Nam trì hoãn việc giải quyết vụ án mà họ là đương sự, làm gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của họ.

#### **2.4. Về yêu cầu thu thập chứng cứ lấy lời khai của người làm chứng, đương sự có mặt trên lãnh thổ Việt Nam hoặc trên lãnh thổ nước ngoài**

*a) Các khó khăn phát sinh từ việc ủy thác lấy lời khai của người làm chứng, đương sự ở nước ngoài theo phương thức truyền thống*

Từ nhiều năm trở lại đây, Tòa án Việt Nam ủy thác cho nước ngoài lấy lời khai của người làm chứng, đương sự có mặt ở nước ngoài hoặc nước ngoài ủy thác cho Việt Nam thực hiện hoạt động này đều đang được tiến hành theo hình thức truyền thống, trực tiếp tại trụ sở Tòa án hoặc do cá nhân, cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thực hiện mà không có sự hỗ trợ, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số hóa. Thực tiễn cho thấy cách thức này rất khó khăn cho cả Tòa án Việt Nam, cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cũng như người cần được lấy lời khai. Cụ thể như sau:

- Để thực hiện yêu cầu ủy thác của nước ngoài lấy lời khai của người làm chứng, đương sự có mặt trên lãnh thổ Việt Nam, Tòa án Việt Nam phải triệu tập người cần được lấy lời khai đến trụ sở Tòa án, yêu cầu họ trả lời các câu hỏi của Tòa án nước ngoài và gửi lại kết quả cho nước ngoài thông qua Bộ Tư pháp. Cách thức này gây tốn kém về tài chính, mất thời gian đi lại, ảnh hưởng đến công việc cho người cần được lấy lời khai nếu địa chỉ của họ cách xa trụ sở Tòa án. Do đó, nếu người cần được lấy lời khai không có đủ điều kiện để tham gia hoặc thiếu thiện chí, không hợp tác với Tòa án, thì việc lấy lời khai sẽ không thực hiện được. Từ đó sẽ gây lãng phí về thời gian, nguồn nhân lực, sự chuẩn bị mà Tòa án Việt Nam đã thực hiện để lấy lời khai của người làm chứng, đương sự. Không chỉ có vậy, kể cả trong trường hợp Tòa án thực hiện được hoặc không thực hiện được việc lấy lời khai theo đề nghị của nước ngoài, thì nhà nước vẫn phải tốn thêm chi phí bưu chính để Tòa án gửi thông báo cho Bộ Tư pháp; Bộ Tư pháp chuyển thông báo đó cho nước ngoài.

Đối với yêu cầu ủy thác lấy lời khai của người làm chứng, đương sự của Tòa án Việt Nam cho nước ngoài, thực tế cho thấy có nước (Hoa Kỳ) đã quá tải công việc vì phải thực hiện yêu cầu này hoặc có nước (Nhật Bản) với thủ tục lấy lời khai quá phức tạp nên nước này rất khó thực hiện được cho Tòa án Việt Nam. Không chỉ vậy, có nước (Xinh-ga-po) thu chi phí thực hiện lấy lời khai rất cao (3.400 đô la Xinh-ga-po, tương đương 65 triệu đồng Việt Nam)<sup>2</sup> nên không phải tất cả mọi trường hợp đương sự ở trong nước có nghĩa vụ trả chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài đều có đủ khả năng tài chính để chi trả.

Cùng với đó, thực tiễn cũng cho thấy có rất nhiều trường hợp đương sự ở nước ngoài là công dân Việt Nam vì nhiều lý do khác nhau không thể về Việt Nam theo yêu cầu của Tòa án nhưng lại đồng ý cung cấp lời khai cho Tòa án theo hình thức trực tuyến. Tuy nhiên, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Luật tương trợ tư pháp chưa có

<sup>2</sup> <https://www.hcch.net/en/states/authorities/details3/?aid=532>.

quy định về việc cho phép Tòa án lấy lời khai trực tuyến đối với người làm chứng, đương sự ở nước ngoài nên Tòa án không có cơ sở pháp lý để thực hiện.

Để khắc phục những khó khăn nêu trên, cách thức hiện nay để Tòa án Việt Nam lấy lời khai của người làm chứng, đương sự ở nước ngoài là gửi bảng câu hỏi hoặc lồng ghép bảng câu hỏi trong văn bản tố tụng để những người này tự trả lời và gửi cho Tòa án Việt Nam. Tuy nhiên, cách thức này vẫn gây khó khăn cho Tòa án Việt Nam khi có nhiều trường hợp những người này đã thực hiện công chứng bản tự khai của họ ở nước ngoài nhưng không thực hiện hợp pháp hóa lãnh sự bản tự khai đó theo yêu cầu bắt buộc của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, có nhiều trường hợp, Tòa án Việt Nam lại tiếp tục ủy thác cho nước ngoài để đề nghị họ thực hiện hợp pháp hóa lãnh sự tài liệu, giấy tờ nhưng những người này từ chối thực hiện. Từ đó, Tòa án không có cơ sở pháp lý để công nhận tính hợp pháp của bản tự khai mà người làm chứng, đương sự ở nước ngoài gửi cho Tòa án.

Như vậy, việc lấy lời khai như trên không chỉ làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ việc của Tòa án mà còn gây tốn kém chi phí cho đương sự trong nước khi họ phải chịu trách nhiệm thanh toán các khoản chi phí, lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định hiện hành mà việc lấy lời khai của đương sự ở nước ngoài vẫn không thực hiện được.

*b) Cách thức thu thập chứng cứ lấy lời khai đối với người làm chứng, đương sự ở nước ngoài theo phương thức trực tuyến*

Để giải quyết tình trạng nêu trên, giải pháp cho phép tiến hành lấy lời khai của người làm chứng, đương sự trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính tại Tòa án Việt Nam hoặc việc thực hiện lấy lời khai của những người này tại Việt Nam theo yêu cầu của nước ngoài bằng phương thức trực tuyến là một giải pháp phù hợp, hiệu quả hơn so với cách thức lấy lời khai theo pháp luật tố tụng hiện hành. Qua tham khảo kinh nghiệm nước ngoài, Tòa án nhân dân tối cao thấy rằng tùy thuộc quy định pháp luật của từng nước, việc cho phép lấy lời khai của người làm chứng, đương sự đang có mặt trên lãnh thổ nước đó theo phương thức trực tuyến được thực hiện theo hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp. Cụ thể:

- Hình thức trực tiếp là hình thức mà nước nơi có mặt người làm chứng, đương sự cho phép theo sự đề nghị của tòa án của nước khác được sử dụng phương thức trực tuyến để trực tiếp lấy lời khai của những người này mà không cần sự hỗ trợ, giám sát tại phiên họp đó của cơ quan có thẩm quyền nước nơi người làm chứng, đương sự cung cấp lời khai. Tòa án của nước trực tiếp lấy lời khai phải tự tổ chức phiên họp trực tuyến lấy lời khai, thông báo cho người làm chứng, đương sự về thời gian, địa điểm tổ chức phiên họp và có nghĩa vụ tuân theo điều kiện mà nước nơi có mặt người làm chứng, đương sự đã yêu cầu. Luật tố tụng áp dụng để lấy lời khai là luật của nước có Tòa án trực tiếp lấy lời khai, trừ trường hợp luật đó trái với pháp luật của nước nơi người làm chứng, đương sự cung cấp lời khai.

- Hình thức gián tiếp là hình thức mà tòa án nơi người làm chứng, đương sự có mặt trực tiếp lấy lời khai những người này theo nội dung câu hỏi của tòa án nước yêu cầu lấy lời khai cung cấp. Việc lấy lời khai này được kết nối theo phương thức họp trực tuyến giữa tòa án của nước trực tiếp lấy lời khai và tòa án nước yêu cầu lấy

lời khai. Tòa án của nước trực tiếp lấy lời khai thông báo cho nước yêu cầu lấy lời khai, người làm chứng, đương sự về thời gian, địa điểm tổ chức phiên họp trực tuyến, cách thức tham gia phiên họp trực tuyến. Tòa án của nước yêu cầu lấy lời khai chỉ được tham gia để theo dõi và nghe quá trình lấy lời khai nhưng không được đặt câu hỏi đối với người làm chứng, đương sự đang cung cấp lời khai trực tuyến. Luật tố tụng áp dụng để lấy lời khai là luật của nước có Tòa án trực tiếp lấy lời khai hoặc luật tố tụng của nước yêu cầu lấy lời khai nếu được chấp nhận. Chi phí thực hiện, kể cả chi phí phiên dịch, do nước có Tòa án yêu cầu lấy lời khai thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác giữa hai nước hoặc được miễn phí theo điều ước quốc tế mà hai nước là thành viên có quy định về vấn đề này.

*c) Một số ưu điểm chính của việc lấy lời khai của người làm chứng, đương sự ở nước ngoài theo phương thức trực tuyến*

Giải pháp lấy lời khai trực tuyến đối với người làm chứng, người giám định, đương sự như nêu ở trên có các ưu điểm cơ bản sau đây:

- Tòa án giảm được thời gian chờ đợi kết quả thực hiện. Điều này đặc biệt có ý nghĩa quan trọng với Tòa án Việt Nam trong trường hợp Tòa án phải lập riêng biệt yêu cầu tổng đạt và yêu cầu thu thập chứng cứ lấy lời khai của người làm chứng, đương sự ở nước ngoài. Thực tế cho thấy Tòa án Việt Nam thường nhận được kết quả ủy thác tổng đạt trước kết quả ủy thác thu thập lấy lời khai. Trong đó, thời gian chờ kết quả lấy lời khai thường dài hơn nhiều thời gian chờ kết quả tổng đạt văn bản tố tụng. Tuy nhiên, không phải mọi trường hợp việc lấy lời khai người làm chứng, đương sự ở nước ngoài đều thực hiện được như đã nêu ở phần trên. Do đó, nếu Tòa án Việt Nam được nước ngoài cho phép lấy lời khai trực tuyến đối với người làm chứng, đương sự đang có mặt trên lãnh thổ của nước ngoài đó, Tòa án Việt Nam sẽ chủ động hơn trong việc kiểm soát, tuân thủ thời hạn tố tụng giải quyết vụ việc và kết quả lấy lời khai là căn cứ để tiến hành các quy trình tố tụng tiếp theo.

- Đương sự ở trong nước làm phát sinh yêu cầu lấy lời khai người làm chứng, đương sự ở nước ngoài giảm được chi phí phải trả cho nước ngoài. Trường hợp chi phí phải trả cho Xinh-ga-po như đã nêu ở trên là một trong những ví dụ điển hình. Bên cạnh đó, nếu so sánh với cách thức triệu tập người làm chứng, đương sự ra tòa án nước ngoài hoặc đến Tòa án Việt Nam để cung cấp lời khai, thì việc lấy lời khai của những người này theo phương thức trực tuyến sẽ giúp nước ngoài hoặc Việt Nam tiết kiệm được nhiều chi phí hơn do không phải trả cho người làm chứng các chi phí đi lại, ăn ở và chi phí liên quan.

- Tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người làm chứng, đương sự ở nước ngoài tham gia cung cấp lời khai do không tốn kém chi phí (đối với đương sự), mất nhiều thời gian để đi lại và ảnh hưởng lớn đến công việc. Lợi ích này có thể đánh giá được khi so sánh với việc cung cấp lời khai tại Tòa án nước ngoài hoặc từ nước ngoài đến Tòa án Việt Nam để cung cấp lời khai.

*d) Đề nghị bổ sung thêm một Điều quy định về việc Tòa án Việt Nam yêu cầu nước ngoài cho phép lấy lời khai của người làm chứng, người giám định, đương sự đang có mặt trên lãnh thổ nước đó theo phương thức trực tuyến*

Với lợi ích cơ bản có thể dự tính được như ở trên, Tòa án nhân dân tối cao đề nghị bổ sung thêm một Điều vào dự thảo Luật tương trợ tư pháp quy định về việc Tòa án Việt Nam thông qua Bộ Tư pháp đề nghị nước ngoài cho phép tiến hành lấy lời khai trực tuyến đối với người làm chứng, đương sự đang có mặt ở nước ngoài theo hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp.

*đ) Về Điều 34 dự thảo Luật*

Theo quy định tại Điều 34 dự thảo Luật, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có thể cho phép cơ quan, người có thẩm quyền của nước ngoài lấy lời khai trực tuyến đối với đương sự có mặt trên lãnh thổ Việt Nam theo hình thức trực tiếp mà không cần sự hỗ trợ, giám sát của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và không phân biệt đương sự đó là công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài nếu đáp ứng được các điều kiện quy định tại Điều này.

Xét trong bối cảnh, điều kiện của Việt Nam hiện nay, Tòa án nhân dân tối cao cho rằng cần xem xét toàn diện mọi mặt về chủ trương cho phép nước ngoài lấy lời khai trực tuyến theo hình thức trực tiếp đối với người làm chứng, đương sự là công dân Việt Nam đang có mặt trên lãnh thổ Việt Nam như đã quy định tại Điều 34 dự thảo Luật. Đặc biệt cần đặt chủ trương này trong bối cảnh Luật tương trợ tư pháp về dân sự cũng được áp dụng cho yêu cầu tương trợ tư pháp trong lĩnh vực tố tụng hành chính. Thực tế cho thấy theo pháp luật tố tụng hành chính của nước ngoài, ví dụ theo pháp luật tố tụng của Vương quốc Anh, yêu cầu tỵ nạn chính trị được xác định là vụ án hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nước đó. Theo quy định tại Điều 34 dự thảo Luật, yêu cầu lấy lời khai trực tuyến của nước ngoài trong loại vụ án hành chính nêu trên sẽ bị Việt Nam từ chối nếu đương sự là công dân Việt Nam đang có mặt trên lãnh thổ Việt Nam. Mặc dù vậy, cũng không loại trừ trường hợp nước ngoài không trung thực trong việc cung cấp thông tin để được Việt Nam xem xét cho phép lấy lời khai trực tuyến đối với người xin tỵ nạn chính trị là công dân Việt Nam đang có mặt trên lãnh thổ Việt Nam nên Việt Nam không biết được để từ chối. Nếu trường hợp này xảy ra thì việc lấy lời khai trực tuyến của nước ngoài sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chủ quyền, an ninh quốc gia của Việt Nam.

Bên cạnh đó, đối với loại vụ việc dân sự mà Tòa án nước ngoài có yêu cầu lấy lời khai trực tuyến đối với đương sự là công dân Việt Nam đang có mặt trên lãnh thổ Việt Nam theo hình thức trực tiếp mà không cần sự giám sát, hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, Tòa án nhân dân tối cao thấy rằng có thể phát sinh những hậu quả không mong muốn nếu Việt Nam đồng ý cho nước ngoài thực hiện. Bởi lẽ, trong trường hợp này, người cần được lấy lời khai bao gồm công dân của Việt Nam và người này có thể là cán bộ, công chức, viên chức nhà nước. Nếu Việt Nam đồng ý cho cán bộ, công chức, viên chức nhà nước cung cấp lời khai trực tuyến mà không có sự giám sát, hỗ trợ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thì có thể phát sinh



những trường hợp lộ lọt bí mật công tác, bí mật đời tư, bí mật nhà nước trong quá trình người này cung cấp lời khai.

Trên phương diện thực tiễn, việc lộ lọt bí mật công tác, bí mật đời tư, bí mật nhà nước cũng có thể xảy ra khi cán bộ, công chức, viên chức nhà nước được ra nước ngoài để cung cấp lời khai cho Tòa án nước ngoài. Tuy nhiên, trong trường hợp này, việc khó kiểm soát lộ lọt bí mật xuất phát từ nguyên nhân khách quan là việc tổ chức cung cấp lời khai được thực hiện ở nước ngoài. Trong khi đó, nếu việc cung cấp lời khai trực tuyến được tổ chức theo hình thức gián tiếp tại Việt Nam, thì cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoàn toàn có khả năng kiểm soát được việc lộ lọt bí mật công tác, bí mật đời tư, bí mật nhà nước. Do đó, Tòa án nhân dân tối cao thấy rằng Việt Nam không nên cho phép nước ngoài được lấy lời khai trực tuyến của đương sự là công dân Việt Nam đang có mặt trên lãnh thổ Việt Nam theo hình thức trực tiếp. Thay vào đó, Việt Nam có thể xem xét cho phép nước ngoài lấy lời khai trực tuyến đối với đương sự là công dân Việt Nam đang có mặt trên lãnh thổ Việt Nam theo hình thức gián tiếp.

Trên tinh thần đó, Tòa án nhân dân tối cao đề nghị sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 34 dự thảo Luật theo hướng như sau:

- Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có thể cho phép cơ quan, người có thẩm quyền của nước ngoài lấy lời khai trực tuyến đối với người làm chứng, đương sự là công dân nước ngoài (công dân của nước có Tòa án yêu cầu lấy lời khai, công dân nước thứ ba) đang có mặt trên lãnh thổ Việt Nam theo hình thức trực tiếp, không cần sự hỗ trợ, giám sát của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam nếu đáp ứng được các điều kiện quy định tại Điều này khi yêu cầu Việt Nam cho phép thực hiện cũng như trong quá trình thực hiện lấy lời khai.

- Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có thể cho phép cơ quan, người có thẩm quyền của nước ngoài lấy lời khai trực tuyến đối với người làm chứng, đương sự là công dân Việt Nam đang có mặt trên lãnh thổ Việt Nam theo hình thức gián tiếp. Theo cách thức này, Tòa án của Việt Nam trực tiếp lấy lời khai của người làm chứng, đương sự là công dân Việt Nam theo câu hỏi mà nước ngoài đã gửi cho Việt Nam. Phiên họp trực tuyến lấy lời khai được kết nối giữa điểm cầu nơi Tòa án Việt Nam lấy lời khai và toà án của nước yêu cầu lấy lời khai. Tòa án nước ngoài chỉ được tham gia phiên họp lấy lời khai nhưng không được trực tiếp đặt câu hỏi đối với người làm chứng, đương sự đang cung cấp lời khai trực tuyến. Luật tố tụng được áp dụng lấy lời khai là luật tố tụng dân sự Việt Nam. Các chi phí liên quan về việc tổ chức lấy lời khai, bao gồm chi phí phiên dịch (phiên dịch hỗ trợ liên lạc giữa Việt Nam và nước ngoài trong quá trình chuẩn bị và diễn ra phiên họp trực tuyến; phiên dịch cho bên nước yêu cầu nghe quá trình lấy lời khai) sẽ do nước yêu cầu lấy lời khai chi trả.

## **2.5. Về khoản 4, 5 Điều 39, khoản 1 Điều 40 dự thảo Luật**

Theo quy định tại khoản 4, 5 Điều 39, khoản 1 Điều 40 dự thảo Luật, Bộ Tư pháp chủ trì kiểm tra, đôn đốc các cơ quan có thẩm quyền thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự. Trong đó, Tòa án nhân dân tối cao có trách nhiệm phối hợp với Bộ

Tư pháp kiểm tra, đôn đốc các tòa án có thẩm quyền thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự theo quy định của Luật này và các quy định của pháp luật có liên quan. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân tối cao nhận thấy quy định về việc Bộ Tư pháp có thẩm quyền chủ trì, phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao thực hiện việc kiểm tra, đôn đốc quy định tại khoản 4, 5 Điều 39, khoản 1 Điều 40 dự thảo Luật cần phải bãi bỏ vì các lý do sau đây:

*Thứ nhất*, Theo quy định tại khoản 2 Điều 62 Luật tương trợ tư pháp hiện hành, Bộ Tư pháp không được giao nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao kiểm tra, đôn đốc các tòa án thực hiện hoạt động tương trợ tư pháp. Điều 63 Luật này cũng không quy định Tòa án nhân dân tối cao có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chủ trì là Bộ Tư pháp tiến hành việc kiểm tra, đôn đốc nêu trên.

Tuy nhiên, khoản 5 Điều 6 Nghị định số 92/2008/NĐ-CP ngày 22/8/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật tương trợ tư pháp (Nghị định số 92/2008/NĐ-CP) lại giao Bộ Tư pháp thực hiện nhiệm vụ này. Theo đó, Bộ Tư pháp có nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao và Tòa án nhân dân tối cao tổ chức đoàn liên ngành kiểm tra việc thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự tại các Tòa án nhân dân và các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

Như vậy, quy định tại khoản 4, 5 Điều 39, khoản 1 Điều 40 dự thảo Luật đã luật hóa quy định tại khoản 5 Điều 6 Nghị định số 92/2008/NĐ-CP. Tuy nhiên, quy định này không đáp ứng được yêu cầu của Đảng, Nhà nước hiện nay về tư duy đổi mới trong xây dựng pháp luật, đó là chỉ quy định tại Luật những nội dung thuộc thẩm quyền của Quốc hội, không luật hóa Nghị định, Thông tư. Đặc biệt, trong trường hợp này lại luật hóa quy định của Nghị định của Chính phủ về nhiệm vụ kiểm tra, đôn đốc mà Luật tương trợ tư pháp hiện hành không giao Bộ Tư pháp chủ trì thực hiện.

*Thứ hai*, theo quy định tại các Điều 38, 46 và 77 Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024, Tòa án nhân dân tối cao quản lý các Tòa án nhân dân về tổ chức, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện điều ước quốc tế, hoạt động hợp tác quốc tế của Tòa án. Do đó, Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các hoạt động nêu trên của các Tòa án. Khi chủ trì thực hiện thẩm quyền này, Tòa án nhân dân tối cao có thể đề nghị Bộ Tư pháp cùng tham gia.

Vì vậy, khi Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024 có hiệu lực vào ngày 01/01/2025, việc giữ nguyên các quy định về việc Bộ Tư pháp chủ trì kiểm tra, đôn đốc các Tòa án tại khoản 4, 5 Điều 39, khoản 1 Điều 40 dự thảo Luật sẽ chồng chéo với các quy định về thẩm quyền, nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao tại các Điều 38, 46 và 77 Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024.

*Thứ ba*, theo quy định của Luật tương trợ tư pháp hiện hành, Bộ Tư pháp không phải là cơ quan trung ương của Việt Nam trong hoạt động tương trợ tư pháp về dân sự. Cụ thể, Bộ Tư pháp không phải là cơ quan trực tiếp thực hiện nhiệm vụ tương trợ tư pháp mà chỉ là cơ quan hỗ trợ Tòa án và cơ quan có thẩm quyền khác (cơ quan thi hành án dân sự, Viện kiểm sát) yêu cầu nước ngoài thực hiện các hoạt động tố tụng dân sự, thi hành án dân sự cũng như chuyên yêu cầu tương trợ tư pháp của nước ngoài

cho Tòa án thực hiện. Điều này cũng sẽ không thay đổi trong Luật tương trợ tư pháp về dân sự; bởi lẽ, Bộ Tư pháp vẫn tiếp tục thực hiện nhiệm vụ là cơ quan tiếp nhận, chuyển giao hồ sơ tương trợ tư pháp mà không có thẩm quyền giao các cơ quan khác hoặc trực tiếp thực hiện hoạt động tương trợ tư pháp về dân sự. Với vai trò như trên, quy định Bộ Tư pháp có thẩm quyền chủ trì kiểm tra hoạt động tương trợ tư pháp của các Tòa án tại khoản 4, 5 Điều 39, khoản 1 Điều 40 dự thảo Luật là không có cơ sở pháp lý, không phù hợp với thẩm quyền của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao trong lĩnh vực này.

## **2.6. Về khoản 1 Điều 44 dự thảo Luật**

Thực tiễn cho thấy trong quá trình xem xét thụ lý, giải quyết các vụ việc có đương sự là nguyên đơn, người yêu cầu, đương sự ở nước ngoài theo thủ tục sơ thẩm, phúc thẩm, xét lại bản án, quyết định của tòa án đã có hiệu lực theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm, các Tòa án đã và đang gặp khó khăn trong việc ủy thác cho nước ngoài tổng đạt văn bản tố tụng cho những người này. Khó khăn này phát sinh từ nguyên nhân chủ yếu là các Tòa án không được nhà nước cấp kinh phí để thực hiện các công việc thuộc trách nhiệm của Tòa án trong việc ủy thác cho nước ngoài thực hiện hoạt động tố tụng. Cụ thể như sau:

Theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tương trợ tư pháp và văn bản hướng dẫn Luật này, nguyên đơn, người yêu cầu giải quyết vụ việc dân sự, không phân biệt họ ở trong nước hoặc nước ngoài làm phát sinh yêu cầu ủy thác tư pháp cho nước ngoài đều phải nộp lệ phí, chi phí dịch thuật hồ sơ ủy thác tư pháp, chi phí thực hiện mà nước được Tòa án ủy thác tổng đạt văn bản thu. Tuy nhiên, nguyên đơn, người yêu cầu ở nước ngoài chỉ có thể thực hiện được việc nộp lệ phí, thanh toán các chi phí này theo thông báo của Tòa án Việt Nam. Trong khi đó, để thông báo cho nguyên đơn, người yêu cầu ở nước ngoài thực hiện việc nộp, thanh toán các chi phí nêu trên, thì Tòa án phải có kinh phí để thanh toán chi phí dịch hồ sơ, nộp lệ phí, thanh toán chi phí thực hiện tổng đạt cho nước ngoài và yêu cầu nguyên đơn, người yêu cầu hoàn trả lại các khoản tiền đó cho Tòa án.

Bên cạnh đó, theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án phải tổng đạt tổng đạt quyết định kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm của Chánh án Tòa án có thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm, quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm, thông báo của người có thẩm quyền về việc không kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm cho đương sự ở nước ngoài.

Mặc dù vậy, từ nhiều năm nay, các Tòa án không được nhà nước cấp kinh phí để thanh toán các khoản lệ phí, chi phí này. Do đó, Tòa án không thể thực hiện nhiệm vụ xem xét, giải quyết các vụ việc nêu trên.

Vì vậy, để khắc phục những bất cập này, Tòa án nhân dân tối cao đề nghị sửa đổi quy định tại khoản 1 Điều 44 dự thảo Luật theo hướng sau đây:

Quy định rõ nhà nước chịu trách nhiệm bảo đảm kinh phí để các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, bao gồm Tòa án thực hiện nhiệm vụ tương trợ tư pháp về dân sự. Đối với Tòa án, nhà nước bảo đảm kinh phí để Tòa án chỉ thực hiện các

công việc bắt buộc sau đây theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tương trợ tư pháp về dân sự để ủy thác cho nước ngoài thực hiện hoạt động tố tụng:

- Chi dịch hồ sơ ủy thác tư pháp ra nước ngoài và chứng thực chữ ký của người dịch;

- Chi lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài; lệ phí chứng nhận lãnh sự hoặc hợp pháp hóa lãnh sự hồ sơ theo yêu cầu của nước được Tòa án Việt Nam ủy thác thực hiện;

- Chi trả chi phí thực hiện cho nước được Tòa án Việt Nam ủy thác tư pháp.

Các nội dung chi nêu trên được áp dụng cho Tòa án trong các trường hợp:

- Nguyên đơn, người yêu cầu đang ở nước ngoài gửi đơn yêu cầu Tòa án Việt Nam giải quyết vụ việc dân sự, công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của tòa án nước ngoài tại Việt Nam nhưng không ủy quyền cho cá nhân, tổ chức tại Việt Nam nhận văn bản tố tụng.

- Cá nhân, tổ chức được nguyên đơn, người yêu cầu ở nước ngoài ủy quyền tham gia tố tụng tại Tòa án Việt Nam từ chối nhận văn bản tố tụng với lý do không được ủy quyền nhận văn bản tố tụng hoặc thông báo với Tòa án việc ủy quyền tham gia tố tụng đã chấm dứt.

- Tòa án phải tổng đạt quyết định kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm của Chánh án Tòa án có thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm, quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm, thông báo của người có thẩm quyền về việc không kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm cho đương sự ở nước ngoài.

## **2.7. Về Điều 45 dự thảo Luật**

Theo quy định tại Điều 45 dự thảo Luật, thì cụm từ “ủy thác tư pháp” hoặc “ủy thác tư pháp ra nước ngoài” trong Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật phá sản, Luật Phí và Lệ phí được thay thế bằng cụm từ “tương trợ tư pháp về dân sự”. Tòa án nhân dân tối cao nhận thấy việc sửa đổi này hoàn toàn không cần thiết, cần phải bãi bỏ vì các lý do sau đây:

*Thứ nhất*, trước khi Luật tương trợ tư pháp được Quốc hội thông qua năm 2007, thuật ngữ “ủy thác tư pháp” hoặc “ủy thác tư pháp ra nước ngoài” đã được sử dụng ổn định, lâu dài, thống nhất về nội dung trong hoạt động tố tụng của tòa án. Cụ thể, các thuật ngữ nêu trên đã được sử dụng trong Thông tư số 11-TATC ngày 12/7/1974 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn giải quyết những việc ly hôn có yếu tố nước ngoài, Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án dân sự năm 1989, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2005. Các thuật ngữ này được tiếp tục sử dụng trong Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Luật tố tụng hành chính năm 2015, Luật phá sản năm 2014, Luật Phí và Lệ phí năm 2015, Luật cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài năm 2009 (được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017), Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các văn bản dưới luật, bao gồm: Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Thông tư của Bộ Tài chính, Thông tư liên tịch của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Tòa án nhân dân tối cao.

Theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên, thuật ngữ “ủy thác tư pháp”, “ủy thác tư pháp ra nước ngoài” được hiểu theo một nghĩa thống nhất là việc Tòa án Việt Nam ủy quyền cho cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thực hiện một hoặc một số hoạt động tố tụng như: tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho đương sự ở nước ngoài hoặc thu thập chứng cứ ở nước ngoài. Do đó, không có căn cứ pháp lý và thực tiễn để thay thế các thuật ngữ nêu trên bằng thuật ngữ “trương trợ tư pháp về dân sự” như đề xuất tại Điều 45 dự thảo Luật.

*Thứ hai*, việc thay thế thuật ngữ như đề xuất tại Điều 45 dự thảo Luật sẽ dẫn đến việc sửa đổi Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật phá sản, Luật Phí và Lệ phí, Luật cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội cũng như các văn bản dưới luật có liên quan như: Thông tư của Bộ Tài chính, Thông tư liên tịch trong lĩnh vực tố tụng hình sự của các cơ quan tố tụng trung ương. Tuy nhiên, việc sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên chỉ để thay thế các thuật ngữ “ủy thác tư pháp”, “ủy thác tư pháp ra nước ngoài” thành “trương trợ tư pháp về dân sự” chỉ mang tính hình thức, không phải để khắc phục khó khăn, bất cập của nội dung quy định của pháp luật như đòi hỏi của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật hiện hành đối với đề xuất sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật.

*Thứ ba*, việc thay thế thuật ngữ như nêu ở trên vừa không có căn cứ pháp lý, giá trị thực tiễn vừa gây tốn kém, lãng phí ngân sách nhà nước vì các cơ quan có thẩm quyền phải thay đổi các biểu mẫu văn bản, phát sinh việc in ấn và phát hành biểu mẫu văn bản mới, đặc biệt là các biểu mẫu sử dụng trong hoạt động tố tụng có yếu tố nước ngoài tại Tòa án.

Trên đây là ý kiến của Tòa án nhân dân tối cao đối với các dự thảo: Tờ trình của Chính phủ và Luật trương trợ tư pháp về dân sự để Bộ Tư pháp tổng hợp, chỉnh lý, hoàn thiện.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Đ/c Lê Minh Trí Chánh án TANDTC (để b/c);
- Đ/c Phạm Quốc Hưng, PCA TANDTC (để b/c);
- Đ/c Nguyễn Văn Tiến PCA TANDTC (để b/c);
- Cục Lãnh sự Bộ Ngoại giao (để p/h);
- Vụ Ngân sách Nhà nước, Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp, Vụ Pháp chế Bộ Tài chính (để p/h);
- Đ/c Vụ trưởng VHTQT (để b/c);
- Lưu: VT, HTQT (TANDTC), Hùng.

TL. CHÁNH ÁN  
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ  
PHÓ VỤ TRƯỞNG



Lê Mạnh Hùng



Số: 4861 /VKSTC-V13

Hà Nội, ngày 01 tháng 11 năm 2024

V/v góp ý dự thảo

Luật tương trợ tư pháp về dân sự

Kính gửi: Bộ Tư pháp (Vụ Pháp luật quốc tế)

Trả lời Công văn số 5572/BTP-PLQT ngày 01/10/2023 của Bộ Tư pháp đề nghị tham gia ý kiến đối với dự thảo Luật tương trợ tư pháp về dân sự, Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia một số ý kiến như sau:

- Điều 8: Bổ sung quy định về trường hợp thực hiện chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự theo yêu cầu của nước được yêu cầu như sau: *“Việc chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự theo yêu cầu của nước được yêu cầu được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam”*.

- Điều 9 khoản 4(b): Bổ sung như sau: ‘Phạm tội ở nước *được* yêu cầu’.

- Điều 13 khoản 4, Điều 25 khoản 4: Đề nghị làm rõ nội dung này để phân biệt với quy định tại khoản 3.

- Điều 14 khoản 2: Đề nghị quy định rõ thời hạn tối thiểu mà Bộ Tư pháp nhận được hồ sơ.

- Điều 15 khoản 3, Điều 16 khoản 3, Điều 17 khoản 5, Điều 27 khoản 3, Điều 29 khoản 5: Đề nghị quy định rõ số lượng là bao nhiêu thì được coi là lớn.

- Điều 30 khoản 3: Quy định rõ nội dung *“doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích được chỉ định phải thông báo cho Bộ Tư pháp và nêu rõ lý do”* trong trường hợp nào.

- Điều 31 khoản 1: Quy định *“Các giấy tờ về hộ tịch, bản án, quyết định của tòa án Việt Nam về hộ tịch được gửi cho nước yêu cầu không kèm theo bản dịch”* có thể dẫn đến cách hiểu các tài liệu kết quả khác gửi cho nước yêu cầu phải kèm theo bản dịch.

- Điều 35: Cân nhắc chuyển khoản 1, khoản 4 và khoản 5 lên Điều 4 (Giải thích từ ngữ).

- Điều 36 khoản 2: Bổ sung *“...thu nộp chi phí thực tế thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự của Việt Nam...”*.

Hương  
TP  
13/24  
11  
An

Ngoài ra, đề nghị Quý Bộ thống nhất việc quy định thời gian bằng chữ hoặc bằng số trong toàn bộ văn bản dự thảo.

Trên đây là ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tối cao đối với dự thảo Luật tương trợ tư pháp về dân sự; Trân trọng trao đổi để Bộ Tư pháp tổng hợp, báo cáo theo thẩm quyền. /.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Đ/c Viện trưởng (để b/c);
- Đ/c Nguyễn Quang Dũng, PVT (để b/c);
- Vụ 14 - VKSNDTC (để biết);
- Lưu: VT, Vụ 13.

TL. VIỆN TRƯỞNG  
VỤ TRƯỞNG VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ  
VÀ TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ



Vũ Thị Hải Yến



ỦY BAN TRUNG ƯƠNG  
MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM  
BAN THƯỜNG TRỰC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 9139 /MTTW-BTT

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2024

V/v góp ý Hồ sơ đề nghị xây dựng

dự án Luật Tương trợ tư pháp về dân sự

BỘ TƯ PHÁP
Đến ngày <u>30/11/2024</u>
Số <u>29923</u>

Kính gửi: Bộ Tư pháp

ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VÀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, TƯ PHÁP	
Số: <u>19621</u>	ĐẾN
Ngày: <u>PS</u>	Chuyên: <u>PS</u>

Phúc đáp Công văn số 5407/BTP-PLQT ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Bộ Tư pháp về việc đề nghị góp ý hồ sơ xây dựng dự án Luật Tương trợ tư pháp về dân sự. Sau khi nghiên cứu các dự thảo hồ sơ xây dựng luật, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam có một số ý kiến góp ý như sau:

1. Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam (Ban Thường trực) cơ bản thống nhất với sự cần thiết xây dựng dự án Luật để giải quyết tồn tại vướng mắc, khó khăn, tạo hệ thống pháp lý cụ thể để điều chỉnh; cơ bản nhất trí với nội dung của dự thảo trong hồ sơ xây dựng luật của Bộ Tư pháp. Các dự thảo văn bản cơ bản nêu được những yêu cầu cần thiết của vấn đề tương trợ tư pháp về dân sự, đều đã kế thừa các quy định của Luật Tương trợ tư pháp và có các bổ sung theo tình hình thực tiễn khi tách ra thành luật mới. Việc này đã bảo đảm tính phân quyền, phân công trong việc thực hiện hoạt động của các cơ quan.

2. Theo dự thảo Tờ trình và dự thảo Luật nêu việc không quy định trực tiếp “nguyên tắc có đi có lại”, Ban Thường trực đề nghị Bộ Tư pháp tiếp tục nghiên cứu cân nhắc vấn đề này do “Nguyên tắc có đi có lại” là một trong những nguyên tắc cơ bản trong quan hệ quốc tế nói chung và tư pháp quốc tế nói riêng. Có tính thông dụng trong các quan hệ quốc tế. Vì vậy, cần thiết được nêu trong dự thảo luật này và cụ thể hóa bằng các quy định tiếp sau trong dự thảo theo hướng các quy định có tính ngoại lệ để bảo đảm tối đa quyền, lợi ích của người dân, doanh nghiệp trong các vụ việc dân sự, cũng như mở rộng hợp tác quốc tế như dự thảo Tờ trình đã nêu.

3. Ban Thường trực đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, xem xét thống nhất với các quy định của dự án Pháp lệnh về chi phí tố tụng do Tòa án nhân dân tối cao chủ trì xây dựng đối với các nội dung liên quan tới chi phí để quá trình triển khai được áp dụng hiệu quả.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Chủ tịch UBTWMTTQ VN (để báo cáo);
- Ban Thường trực UBTWMTTQ VN;
- Các đ/c Trợ lý, Thư ký và Giúp việc Chủ tịch;
- Lưu: VT, DCGSPBXH.





**TỔNG CÔNG TY  
BƯU ĐIỆN VIỆT NAM**

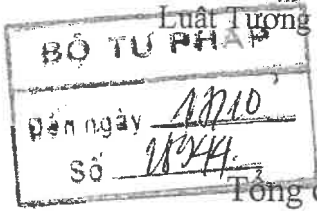
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 4686 /ĐĐVN-KTPC

V/v tham gia ý kiến đối với dự thảo

Luật Trưng trợ tư pháp về dân sự

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2024



Kính gửi: Bộ Tư pháp

Tổng công ty Bưu điện Việt Nam nhận được văn bản số 5572/BTP-PLQT ngày 01/10/2024 của Bộ Tư pháp về việc tham gia ý kiến đối với dự thảo Luật Trưng trợ tư pháp về dân sự (“Dự thảo”). Sau khi nghiên cứu Dự thảo, Tổng công ty Bưu điện Việt Nam xin có ý kiến góp ý như sau:

1. Trong hoạt động trưng trợ tư pháp sẽ phát sinh việc gửi hồ sơ giấy tờ giữa các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam với nhau (Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Cơ quan thi hành án dân sự, các cá nhân, tổ chức có thẩm quyền, Bộ ngoại giao với Bộ Tư pháp và ngược lại) và các hồ sơ, giấy tờ cần tổng đạt cho các đương sự. Trong Dự thảo mới chỉ đề cập đến việc Tổng đạt giấy tờ của nước ngoài thông qua doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích được chỉ định, chưa đề cập đến việc chuyển phát các hồ sơ, giấy tờ còn lại.

Vì vậy, Tổng công ty đề xuất Bộ Tư pháp xem xét bổ sung trong Dự thảo quy định việc gửi các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến hoạt động trưng trợ tư pháp được thực hiện thông qua doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích để đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin. Cụ thể:

- Bổ sung khoản 7 vào Điều 13 như sau: “7. Cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện gửi hồ sơ cho Bộ Tư pháp thông qua doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích được chỉ định”.

- Bổ sung khoản 3 Điều 17 như sau: “3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả thực hiện yêu cầu trưng trợ tư pháp về dân sự từ cơ quan, người có thẩm quyền nước ngoài hoặc từ Bộ Ngoại giao và tài liệu kèm theo (nếu có), Bộ Tư pháp gửi văn bản thông báo kết quả thực hiện yêu cầu trưng trợ tư pháp về dân sự và tài liệu kèm theo (nếu có) cho cơ quan, người có thẩm quyền đã yêu cầu thông qua doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích được chỉ định”.

- Bổ sung điểm a, khoản 2, Điều 27 như sau: “a) Trường hợp hồ sơ hợp lệ theo Điều 25 của Luật này, Bộ Tư pháp chuyển cho cơ quan, người có thẩm quyền của Việt Nam để thực hiện. Việc chuyển hồ sơ được thực hiện thông qua doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích được chỉ định”.

- Bổ sung khoản 1, Điều 29 như sau: “1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong phương thức quy định tại khoản 2 Điều 28 của Luật này, cơ quan, người có thẩm quyền Việt Nam gửi văn bản thông báo kết quả thực hiện trưng trợ tư pháp về dân sự và tài liệu kèm theo (nếu có) cho Bộ Tư pháp thông qua doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích được chỉ định”.

2. Về việc thông báo kết quả thực hiện của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích được chỉ định:

- Bổ sung khoản 3 Điều 30 như sau: “3. Thời hạn tổng đạt giấy tờ của nước ngoài tối đa là 20 ngày kể từ ngày doanh nghiệp bưu chính công ích được chỉ định nhận được yêu cầu từ Bộ Tư pháp. Hết thời hạn nêu trên, trường hợp không phát được, doanh nghiệp bưu chính công ích được chỉ định phải thông báo cho Bộ Tư pháp và nêu rõ lý do”.

- Bổ khoản 4 Điều 30: “4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong phương thức quy định tại khoản 2 Điều này, doanh nghiệp bưu chính công ích được chỉ định gửi văn bản thông báo kết quả thực hiện và tài liệu kèm theo (nếu có) cho Bộ Tư pháp”.

Việc gửi văn bản thông báo kết quả phát đối với từng hồ sơ giấy tờ tổng đạt như quy định nêu trên sẽ phát sinh chi phí, thời gian, công sức cho cả doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích và Bộ Tư pháp. Theo khoản 3 Điều 30, thời hạn tổng đạt giấy tờ của nước ngoài tối đa là 20 ngày kể từ ngày doanh nghiệp bưu chính công ích được chỉ định nhận được yêu cầu từ Bộ Tư pháp. Hết thời hạn nêu trên, trường hợp không phát được, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích được chỉ định phải thông báo cho Bộ Tư pháp và nêu rõ lý do. Vì vậy, để thuận tiện và tiết kiệm thời gian, chi phí cho hai bên, Tổng công ty đề xuất bỏ nội dung về thông báo bằng văn bản kết quả thực hiện phát đối với từng trường hợp tại khoản 4 Điều 30 của Dự thảo. Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích chỉ thực hiện thông báo đối với các trường hợp không phát được và sẽ báo cáo kết quả thực hiện định kỳ, đột xuất theo khoản 3 Điều 43 của Dự thảo.

### 3. Về chi phí thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự:

Tại Điều 35 của Dự thảo chưa đề cập đến chi phí chuyên phát các hồ sơ, giấy tờ trong quá trình thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự. Vì vậy, Tổng công ty đề xuất bổ sung điểm b, khoản 2, Điều 35 như sau: “b) Chi phí chuyên phát hồ sơ, giấy tờ có liên quan; chi phí tổng đạt giấy tờ hồ sơ tương trợ tư pháp về dân sự nước ngoài;”.

4. Về trách nhiệm của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích được chỉ định: Bổ sung khoản 1 Điều 43 như sau: “1. Thực hiện chuyên phát hồ sơ, giấy tờ có liên quan giữa các cơ quan, người có thẩm quyền của Việt Nam và tổng đạt giấy tờ của nước ngoài theo quy định của Luật này”.

Trên đây là ý kiến góp ý dự thảo Luật Tương trợ tư pháp về dân sự, Tổng công ty kính gửi Bộ Tư pháp để xem xét.

Trân trọng!

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐTV (để b/c);
- Tổng Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT, KTPC.



TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 161/TAT-PKTNV&THA  
V/v tham gia ý kiến đối với dự thảo  
Luật tương trợ tư pháp về dân sự

Vĩnh Long, ngày 12 tháng 10 năm 2024

BỘ TƯ PHÁP  
VỤ PHÁP LUẬT QUỐC TẾ  
**ĐẾN** Ngày: 24/10/24  
Số: 6376

Kính gửi: Vụ Pháp luật quốc tế, Bộ Tư pháp

Thực hiện Công văn số 5572/BTP-PLQT ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Bộ Tư pháp, về việc tham gia ý kiến đối với dự thảo Luật Tương trợ tư pháp về Dân sự. Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia ý kiến như sau:

Trong giai đoạn hội nhập quốc tế hiện nay, Luật Tương trợ tư pháp về Dân sự cần thiết được ban hành nhằm khắc phục những nội dung chưa được đề cập đầy đủ của Luật Tương trợ Tư pháp về trong lĩnh vực Dân sự. Tờ trình của Bộ Tư pháp về việc xây dựng dự án Luật tương trợ tư pháp về dân sự đã nêu chi tiết các cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn về việc cần thiết ban hành luật.

Qua nghiên cứu Dự thảo Luật tương trợ tư pháp về Dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long nhận thấy dự thảo đã nêu chi tiết, đầy đủ về nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, trách nhiệm cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động tương trợ tư pháp về dân sự. Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long thống nhất với nội dung dự thảo luật, không đóng góp ý kiến bổ sung.

Trên đây là ý kiến của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Chánh án TAT (để BC);
- Lưu VT, PKTNV&THA.

KT.CHÁNH ÁN  
PHÓ CHÁNH ÁN  
*lưu*  
Lâm Văn Năm





TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 878/2024/TATPCT-DS  
"V/v đóng góp dự thảo Luật tương trợ tư  
pháp về dân sự".

Cần Thơ, ngày 11 tháng 10 năm 2024

BỘ TƯ PHÁP  
VỤ PHÁP LUẬT QUỐC TẾ

ĐẾN Ngày: \_\_\_\_\_  
Số: \_\_\_\_\_

Kính gửi: Bộ Tư pháp.

Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ có nhận được Công văn số 5572/BTP-PLQT ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Bộ Tư pháp về việc đề nghị tham gia ý kiến đối với dự thảo Luật tương trợ tư pháp về dân sự. Qua nghiên cứu toàn văn dự thảo Luật tương trợ tư pháp về dân sự, về cơ bản, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ thống nhất về bố cục, các chương, điều, khoản, điểm và các nội dung của toàn văn dự thảo. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân nhận thấy quy định về thẩm quyền thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự của nước ngoài mà Bộ Tư pháp cần cân nhắc sửa đổi, bổ sung. Cụ thể:

Tại Điều 10 dự thảo Luật Tương trợ tư pháp về dân sự có quy định về cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự của Việt Nam trong đó có Tòa án nhân dân (nhưng không quy định cụ thể Tòa án nhân dân cấp cao, cấp tỉnh hay cấp huyện). Do đó, có thể hiểu trong trường hợp này là Tòa án nhân dân cấp huyện đang giải quyết vụ án mà có yêu cầu thực hiện tương trợ tư pháp thì vẫn có thẩm quyền thực hiện. Tuy nhiên, tại Điều 22 dự thảo Luật Tương trợ tư pháp về dân sự thì quy định cụ thể là Tòa án nhân dân cấp tỉnh mới có thẩm quyền thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự của nước ngoài. Như vậy, thẩm quyền thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự của nước ngoài hẹp hơn so với thẩm quyền thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự của Việt Nam. Trong khi đó, thực tế trong nhiều trường hợp, việc Tòa án nhân dân cấp huyện thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự của nước ngoài sẽ có hiệu quả hơn, nhanh chóng hơn bởi vì địa chỉ của đương sự cần thực hiện chủ yếu ở gần các Tòa án nhân dân cấp huyện trên địa bàn.

Vì vậy, kiến nghị Bộ Tư pháp cân nhắc mở rộng thẩm quyền cho Tòa án nhân dân cấp huyện trong việc thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự của nước ngoài.

Trên đây là đóng góp ý kiến đối với dự thảo Luật tương trợ tư pháp về dân sự của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu

KT. CHÁNH ÁN  
PHÓ CHÁNH ÁN  
  
Phạm Hoàng Dũng





**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1103 /BC-TA

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 10 năm 2024

V/v góp ý dự thảo Nghị quyết của  
HĐTP TANDTC về đặt cọc

Kính gửi: Vụ Pháp luật quốc tế - Bộ Tư pháp

Thực hiện Công văn số 5407/BTP-PLQT ngày 26/9/2024 của Bộ Tư pháp về việc tham gia ý kiến đối với dự thảo Luật Tương trợ tư pháp về dân sự. Sau khi triển khai nghiên cứu góp ý, Tòa án nhân dân hai cấp thành phố Đà Nẵng có ý kiến như sau:

Về cơ bản Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng thống nhất với các nội dung trong Dự thảo Luật. Theo đó Dự thảo Luật Tương trợ tư pháp về dân sự là một trong 04 Luật được tách ra từ Luật Tương trợ tư pháp năm 2007. Dự thảo Luật được xây dựng bao gồm 6 chương, 47 điều. Do được tách ra từ Luật Tương trợ tư pháp năm 2007, phạm vi điều chỉnh trong lĩnh vực dân sự, không bao gồm lĩnh vực hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù. Do vậy bố cục như vậy là phù hợp; thống nhất về thể thức, kỹ thuật trình bày.

**Về nội dung cụ thể của Dự thảo Luật:**

**1/ Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, phạm vi tương trợ tư pháp về dân sự được quy định tại Điều 1, Điều 2, Điều 3 Dự thảo Luật.**

Tòa án thành phố Đà Nẵng thống nhất như dự thảo Luật. Theo đó, phạm vi tương trợ tư pháp về dân sự giữa Việt Nam và nước ngoài bao gồm: Tổng đạt giấy tờ; thu thập, cung cấp chứng cứ; triệu tập người làm chứng, người giám định; và các yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự khác. Tương trợ tư pháp về dân sự được hiểu là trong lĩnh vực dân sự, hành chính (để phân biệt với lĩnh vực hình sự...)

Thống nhất quy định tại Điều 5 về Áp dụng pháp luật.

**2/ Về nguyên tắc tương trợ tư pháp về dân sự được quy định tại Điều 6 Dự thảo Luật**

Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng thống nhất với 2 nguyên tắc được quy định trong dự thảo Luật. Tuy nhiên có ý kiến đề nghị cân nhắc bổ sung thêm nguyên tắc để nâng cao hiệu quả hoạt động tương trợ tư pháp, tối đa tỷ lệ số hồ sơ ủy thác tư pháp thực hiện có kết quả và rút ngắn thời gian thực hiện. Tòa án thành phố đề xuất thêm nguyên tắc tại Điều 6 như sau:

*c) Bảo đảm thuận lợi, nhanh chóng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tương trợ tư pháp về dân sự.*

< c ĐTB 21.10  
2024

Chưởng  
TP  
21/10/24  
An



*Hoặc: Nêu cao trách nhiệm của các cơ quan có liên quan, bảo đảm cao nhất hiệu quả hoạt động tương trợ tư pháp về dân sự.*

### ***3/ Chương II, Thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự của Việt Nam***

#### ***3.1 Về thẩm quyền yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự:***

Tòa án nhân dân thành phố thống nhất với quy định các cơ quan gồm: Tòa án nhân dân, Cơ quan thi hành án dân sự, Viện kiểm sát nhân dân và các cơ quan, tổ chức cá nhân khác có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam.

#### ***3.2 Về cách thức lập hồ sơ yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự của Việt Nam quy định tại Điều 13***

Tòa án thành phố thống nhất với nội dung dự thảo điều luật. Riêng đối với quy định tại khoản 3 dự thảo Luật:

***3. Trường hợp trong cùng một vụ việc cần yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự đối với nhiều đương sự thì lập riêng hồ sơ đối với từng đương sự, kể cả các đương sự có cùng địa chỉ.***

Thấy rằng, trường hợp trong cùng một vụ việc cần yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự đối với nhiều đương sự thì lập riêng hồ sơ đối với từng đương sự là phù hợp. Tuy nhiên trong trường hợp đương sự có cùng địa chỉ thì có thể giảm số hồ sơ được không. Bởi vì mỗi hồ sơ đầy đủ quy định tại khoản 2 điều này phải là bản chính hoặc bản sao có chứng thực, bản dịch phải được chứng thực hợp lệ...bao gồm nhiều giấy tờ, hồ sơ; chi phí mỗi bộ hồ sơ đương sự phải nộp, tổn kém cho đương sự.

- Tương tự, tại khoản 4 Điều 13. *Trường hợp trong cùng một vụ việc cần nhiều yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự quy định tại Điều 3 của Luật này thì phải lập riêng hồ sơ cho từng yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự.*

Trong trường hợp tương trợ tư pháp cùng nội dung thì có thể xây dựng hồ sơ ủy thác tư pháp đối với 01 yêu cầu và áp dụng đối với nhiều yêu cầu, để giảm việc xây dựng hồ sơ, chi phí cho đương sự.

- Tại khoản 6 Điều 13: *Số lượng hồ sơ yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự là hai bộ, kèm theo hồ sơ điện tử trên Hệ thống thông tin tương trợ tư pháp về dân sự.*

Quy định này nên bổ sung từ “nếu có” sau cụm từ: *kèm theo hồ sơ điện tử trên Hệ thống thông tin tương trợ tư pháp về dân sự* bởi vì hiện nay đa số các cơ quan chưa thực hiện hồ sơ điện tử. Khi nào các cơ quan được trang bị, đủ điều kiện thì thực hiện quy định này.

#### ***4/ Về quy định tại Điều 15. Trình tự, thủ tục nhận và gửi hồ sơ yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự của Việt Nam tại Bộ Tư pháp***

***Điều 16. Trình tự, thủ tục nhận và gửi hồ sơ tương trợ tư pháp về dân sự của Việt Nam tại Bộ Ngoại giao và cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài***

Tòa án nhân dân thành phố thống nhất với nội dung, cũng như quy định thời gian thực hiện ở các cơ quan. Tuy nhiên cần có cơ chế bảo đảm thực hiện trên thực tế, vì thời gian qua việc chậm thực hiện xảy ra phổ biến. Do vậy, thời gian thực hiện có thể dài hơn nhưng cần bảo đảm thực hiện trên thực tế, cũng như thông báo cho cơ quan ủy thác tư pháp, trong trường hợp không thực hiện được việc ủy thác cần nêu lý do cụ thể để Tòa án có kế hoạch giải quyết vụ án, như không ủy thác được vì địa chỉ ủy thác không có đương sự cần ủy thác thì nên kèm theo Biên bản xác minh về việc không có đương sự tại địa chỉ đã ủy thác...

*5/ Quy định tại Điều 20, Điều 21 liên quan đến tương trợ tư pháp về dân sự bằng phương tiện điện tử.*

Trong điều kiện khoa học, công nghệ phát triển, nhất là công nghệ thông tin, yêu cầu thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, đời sống xã hội như hiện nay. Để nâng cao hiệu quả hoạt động tương trợ tư pháp, ứng dụng khoa học công nghệ vào hoạt động tương trợ tư pháp, qua đó khắc phục những hạn chế, khó khăn của hoạt động tương trợ tư pháp hiện nay, như tình trạng chậm trễ, không có kết quả hồ sơ tương trợ tư pháp, dẫn đến hoạt động tố tụng bị kéo dài, chờ kết quả tương trợ tư pháp.

Do đó, cần chú trọng thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự bằng phương tiện điện tử. Nhà nước cần ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ, khuyến khích thực hiện tương trợ tư pháp bằng phương tiện điện tử khi được nước được yêu cầu chấp nhận, cũng như để các cơ quan của Việt Nam chuyển giao, thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp của nước ngoài.

*6/ Trình tự, thủ tục nhận và thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự của nước ngoài (Điều 28)*

Điểm c khoản 1 Điều 28 quy định: *Trường hợp cần bổ sung thông tin, tài liệu liên quan hoặc việc thực hiện làm phát sinh chi phí thực tế, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày xác định được thông tin, tài liệu cần bổ sung hoặc chi phí thực tế phát sinh, cơ quan, người có thẩm quyền Việt Nam có trách nhiệm gửi văn bản thông báo cho cơ quan, người có thẩm quyền nước ngoài để bổ sung thông tin, tài liệu hoặc nộp chi phí thực tế theo quy trình tại khoản 2 Điều 36 của Luật này.*

Việc quy định các cơ quan, người có thẩm quyền Việt Nam trực tiếp gửi văn bản thông báo cho cơ quan, người có thẩm quyền nước ngoài để bổ sung thông tin, tài liệu hoặc nộp chi phí... là khó thực hiện trên thực tế. Trong trường hợp trên cần quy định cơ quan, người có thẩm quyền làm văn bản gửi về Bộ Tư pháp để thông báo cho cơ quan yêu cầu tương trợ tư pháp của nước ngoài biết, bổ sung, thực hiện là phù hợp, khả thi hơn.

Về các nội dung khác của dự thảo Luật, cũng như Điều khoản thi hành, tại Điều 45 sửa đổi một số điều luật của Bộ luật Tố tụng dân sự, luật khác có liên



quan, thay thế cụm từ “*ủy thác tư pháp*” bằng cụm từ “*tương trợ tư pháp*” cho phù hợp với Luật này, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng thống nhất.

Trên đây là góp ý của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đối với Dự thảo Luật Tương trợ tư pháp về dân sự, kính gửi Vụ Pháp luật quốc tế - Bộ Tư pháp xem xét tổng hợp.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Đ/c Chánh án (để báo cáo);
- Lưu VT, VP, TDS.

**KT. CHÁNH ÁN  
PHÓ CHÁNH ÁN**



**Trần Đình Quảng**

ỦY BAN TRUNG ƯƠNG  
MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM  
BAN THƯỜNG TRỰC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2024

Số: 9139 /MTTW-BTT  
V/v góp ý Hồ sơ đề nghị xây dựng  
dự án Luật Tương trợ tư pháp về dân sự

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Phúc đáp Công văn số 5407/BTP-PLQT ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Bộ Tư pháp về việc đề nghị góp ý hồ sơ xây dựng dự án Luật Tương trợ tư pháp về dân sự. Sau khi nghiên cứu các dự thảo hồ sơ xây dựng luật, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam có một số ý kiến góp ý như sau:

1. Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam (Ban Thường trực) cơ bản thống nhất với sự cần thiết xây dựng dự án Luật để giải quyết tồn tại vướng mắc, khó khăn, tạo hệ thống pháp lý cụ thể để điều chỉnh; cơ bản nhất trí với nội dung của dự thảo trong hồ sơ xây dựng luật của Bộ Tư pháp. Các dự thảo văn bản cơ bản nêu được những yêu cầu cần thiết của vấn đề tương trợ tư pháp về dân sự, đều đã kế thừa các quy định của Luật Tương trợ tư pháp và có các bổ sung theo tình hình thực tiễn khi tách ra thành luật mới. Việc này đã bảo đảm tính phân quyền, phân công trong việc thực hiện hoạt động của các cơ quan.

2. Theo dự thảo Tờ trình và dự thảo Luật nêu việc không quy định trực tiếp “nguyên tắc có đi có lại”, Ban Thường trực đề nghị Bộ Tư pháp tiếp tục nghiên cứu cân nhắc vấn đề này do “Nguyên tắc có đi có lại” là một trong những nguyên tắc cơ bản trong quan hệ quốc tế nói chung và tư pháp quốc tế nói riêng. Có tính thông dụng trong các quan hệ quốc tế. Vì vậy, cần thiết được nêu trong dự thảo luật này và cụ thể hóa bằng các quy định tiếp sau trong dự thảo theo hướng các quy định có tính ngoại lệ để bảo đảm tối đa quyền, lợi ích của người dân, doanh nghiệp trong các vụ việc dân sự, cũng như mở rộng hợp tác quốc tế như dự thảo Tờ trình đã nêu.

3. Ban Thường trực đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, xem xét thống nhất với các quy định của dự án Pháp lệnh về chi phí tố tụng do Tòa án nhân dân tối cao chủ trì xây dựng đối với các nội dung liên quan tới chi phí để quá trình triển khai được áp dụng hiệu quả.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Chủ tịch UBTWMTTQ VN (để báo cáo);
- Ban Thường trực UBTWMTTQ VN;
- Các đ/c Trợ lý, Thư ký và Giúp việc Chủ tịch;
- Lưu: VT, DCGSPBXH.



Trương Thị Ngọc Ánh

Chưởng  
TP  
11/24  
10  
Đào



BỘ TƯ PHÁP  
TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 4272 /TCTHADS-NVI

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2024

V/v góp ý Dự thảo Luật Tương trợ tư pháp về dân sự

Kính gửi: Vụ Pháp luật quốc tế

Tổng cục Thi hành án dân sự (THADS) nhận được Công văn số 5572/BTP-PLQT ngày 01/10/2024 của Bộ Tư pháp về việc tham gia ý kiến đối với Dự thảo Luật Tương trợ tư pháp về dân sự. Tổng cục THADS đã có Công văn đề nghị các cơ quan THADS nghiên cứu, góp ý. Sau khi nghiên cứu, tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan THADS, Tổng cục THADS cơ bản nhất trí với các Dự thảo. Ngoài ra, Tổng cục có một số ý kiến góp ý như sau:

**Thứ nhất**, tại khoản 1 Điều 11 Dự thảo quy định 2 văn bản bắt buộc phải có trong hồ sơ và khoản 2 Quy định 02 văn bản “có thể”. Tuy nhiên, nếu quy định “có thể” như vậy sẽ dẫn đến cách hiểu là hồ sơ này có cũng được, không có cũng được. Do đó, cần quy định rõ đối với từng loại việc yêu cầu tương trợ tư pháp thì cần những giấy tờ, tài liệu gì. Ví dụ: nếu tương trợ tư pháp để tổng đạt văn bản, triệu tập đương sự thì bắt buộc phải gửi kèm theo văn bản cần tổng đạt, giấy triệu tập.

Đồng thời cần quy định rõ các văn bản này có bắt buộc phải dịch hay không? Vì Điều 13 chỉ quy định *bản dịch và bản sao của các văn bản, giấy tờ tại điểm b khoản 1 và khoản 2 phải được chứng thực*, chứ chưa có quy định các văn bản, giấy tờ tại khoản 2 Điều 11 bắt buộc phải dịch có chứng thực.

**Thứ hai**, tại Điều 13 Dự thảo:

- Chưa có quy định về mối liên hệ giữa Điều 10 về thẩm quyền yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự với các Điều về hồ sơ (Điều 13), điều kiện hợp lệ của hồ sơ (điều 14). Vì tên Điều 10 là *người có thẩm quyền yêu cầu tương trợ tư pháp* còn tại Điều 13 thì lại dùng khái niệm “*người có thẩm quyền giải quyết vụ việc có yêu cầu tương trợ tư pháp*”.

Bên cạnh đó, khoản 1 Điều 13 quy định “*văn bản phải do người có thẩm quyền giải quyết vụ việc có yêu cầu tương trợ tư pháp ký*”. Tuy nhiên, quy định này chưa rõ người có thẩm quyền ký văn bản này là Thủ trưởng cơ quan THADS hay Chấp hành viên, vì trong THADS Chấp hành viên là người có thẩm quyền tổ chức thi hành án. Do đó, đề nghị cân nhắc, chỉnh lý nội dung này cho phù hợp.

- Khoản 3 quy định “*Trường hợp trong cùng một vụ việc cần yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự đối với nhiều đương sự thì lập riêng hồ sơ đối với từng đương sự, kể cả các đương sự có cùng địa chỉ*”. Nội dung Tổng cục THADS cơ bản nhất trí nhưng cân nhắc bổ sung thủ tục đối với trường hợp một đương sự nhưng liên quan đến nhiều vụ việc thì mặc dù hồ sơ phải lập riêng nhưng nghiên cứu việc Bộ Tư pháp gửi hồ sơ (tại Điều 15) như thế nào để thuận lợi.

**Thứ ba**, tại Điều 14 Dự thảo có quy định về điều kiện hợp lệ của hồ sơ: “*Đủ thời gian thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự theo quy định của*

*điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc theo quy định của nước được yêu cầu* tính từ thời điểm Bộ Tư pháp nhận được hồ sơ”. Hình như đây là quy định mới của Dự thảo Luật so với Luật Tương trợ tư pháp hiện hành. Tuy nhiên, nội dung này chưa thấy nêu trong Tờ trình. Cũng như chưa có phân tích lý do, đánh giá tác động của quy định này.

Quy định này sẽ có thể dẫn đến phải sửa đổi, bổ sung quy định của pháp luật chuyên ngành. Vì trong pháp luật về THADS và pháp luật tố tụng dân sự đều không có quy định về việc xử lý trong trường hợp “không đủ thời gian thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp”. Do đó, nếu thuộc trường hợp này thì cơ quan THADS, cơ quan tố tụng sẽ bị tắc: không thể thực hiện được việc yêu cầu tương trợ tư pháp và cũng không có căn cứ để xử lý giống như trường hợp thực hiện việc tương trợ tư pháp không có kết quả. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc quy định này, có thể đề việc trả lời chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu tương trợ tư pháp là do phía nước ngoài quyết định.

Đồng thời, nếu có quy định như vậy thì trong trường hợp sau này khi ban hành Nghị định, Thông tư hoặc văn bản hướng dẫn, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phải hướng dẫn rõ thời hạn đối với từng nước như thế nào, để tạo thuận lợi cho các cơ quan áp dụng thống nhất. Vì cơ quan THADS địa phương không có điều kiện để nghiên cứu sâu về các Hiệp định cũng như yêu cầu của các nước nên không thể xác định được các thời hạn này một cách chính xác và đầy đủ.

**Thứ tư**, tại Điều 17 quy định về thông báo kết quả, tiến độ thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp: đề nghị cân nhắc, rút ngắn thời hạn thực hiện xuống còn 03 ngày. Lý do: toàn bộ việc tổ chức thi hành án, tố tụng dân sự đều đang phải chờ kết quả tương trợ tư pháp. Trong khi đó, theo Dự thảo, chỉ riêng việc chuyển kết quả đã mất 15 đến 30 ngày (chưa kể khoảng thời gian gửi hồ sơ giữa các cơ quan).

**Thứ năm**, về kỹ thuật soạn thảo văn bản, đề nghị cân nhắc, chỉnh lý một số nội dung để đảm bảo rõ ràng, dễ hiểu và hiểu thống nhất. Cụ thể:

- Tại Khoản 2 Điều 7: cụm “*trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này*” không phù hợp khi đặt ở đầu câu trong văn bản Luật và dễ bị hiểu lầm. Nên đề nghị ghi rõ là “*trường hợp không có điều ước quốc tế hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên không quy định*” thì hồ sơ phải kèm theo bản dịch ra ngôn ngữ của nước được yêu cầu hoặc ngôn ngữ mà nước đó chấp nhận.

- Đối với thời hạn trên 07 ngày, đề nghị không quy định là “ngày làm việc”. Ví dụ: tại Điều 15, 27 đề nghị quy định là “10 ngày”.

Tổng cục THADS gửi đề Vụ Pháp luật quốc tế nghiên cứu, tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TT Mai Lương Khôi (để b/c);
- Tổng cục trưởng (để b/c);
- PTCT Nguyễn Văn Sơn (để b/c);
- Lưu: VT, Vụ NV1.

**TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG  
VỤ TRƯỞNG VỤ NGHIỆP VỤ 1**



**Đặng Văn Huy**



BỘ TƯ PHÁP  
CỤC KIỂM TRA VĂN BẢN  
QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1110 /KTrVB-KT

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2024

V/v góp ý dự thảo  
Luật Tương trợ tư pháp về dân sự

Kính gửi: Vụ Pháp luật Quốc tế

Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật nhận được Công văn số 5572/BTP-PLQT ngày 01/10/2024 của Vụ Pháp luật Quốc tế về việc đề nghị tham gia ý kiến đối với dự thảo Luật Tương trợ tư pháp về dân sự (sau đây gọi là dự thảo Luật). Sau khi nghiên cứu dự thảo Luật, Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật có một số ý kiến bước đầu như sau:

1. Về Tờ trình

Đề nghị làm rõ thêm một số nội dung sau:

1.1. Hiện nay, tại tờ trình có thông tin về việc cắt giảm 01 văn bản trong hồ sơ yêu cầu TTTP về dân sự so với quy định tại Luật TTTP hiện hành (điểm 2.2 mục 2 phần IV) và việc loại bỏ chế độ báo cáo thường niên hoạt động TTTP (điểm 2.5. mục 2 phần IV của Tờ trình), tuy nhiên chưa có thông tin rõ là văn bản gì, lý do của việc cắt giảm văn bản đó; tương tự là

1.2. Nội dung về tính tương thích của dự thảo luật với điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên tại mục VI của Tờ trình còn sơ sài, đề nghị đánh giá cụ thể, chỉ dẫn (ví dụ) chi tiết hơn các nội dung đã đảm bảo tính tương thích của dự thảo Luật.

1.3. Thống nhất cách thức ghi chỉ dẫn tên gọi, số, ký hiệu của văn bản có liên quan nêu tại Tờ trình. Ví dụ: Nghị định 92/2008/NĐ-CP, Thông tư liên tịch 12/2016/TTLT-BTP - BNG-TANDTC,...

Ngoài ra, đối với những trường hợp quyết định việc áp dụng có đi có lại hoặc việc từ chối thực hiện TTTP của nước ngoài, hoãn thực hiện yêu cầu TTTP ... nêu tại điểm 2.1, 2.3 mục 2 phần IV, đề nghị nghiên cứu, tổng kết tình hình thực hiện Luật hiện hành để xác định cụ thể là những trường hợp nào, đảm bảo thuận lợi trong thực hiện và tính minh bạch của văn bản.

2. Về Dự thảo Luật

2.1. Đề nghị chỉnh lý quy định tại khoản 4 Điều 4 về giải thích thuật ngữ “giấy tờ” tại khoản 1 Điều 3 theo hướng: “*Giấy tờ được tổng đạt theo quy định tại khoản 1 Điều 3 là các loại giấy tờ cần được tổng đạt theo pháp luật của nước yêu cầu và theo điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước yêu cầu cùng là thành viên*”;

2.2. Đề nghị chỉnh lý điểm b khoản 3 Điều 5 theo hướng viện dẫn tới quy định tại Điều 6 Dự thảo để đảm bảo tính logic trong quy định và tôn trọng nguyên tắc tương trợ tư pháp về dân sự, cụ thể là: “*b) Việc áp dụng pháp luật nước ngoài không trái với các nguyên tắc tương trợ tư pháp về dân sự được quy định tại Điều 6 Luật này*”.

2.3. Làm rõ nội dung quy định về “Giấy tờ liên quan đến yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự” nêu tại điểm a khoản 2 Điều 11 là loại giấy tờ gì, tránh trùng lặp và lẫn lộn giữa giấy tờ này với loại giấy tờ được quy định tại khoản 1 Điều 3 đã được giải thích khái niệm tại khoản 4 Điều 4 Dự thảo.

2.4. Văn bản quy định tại khoản 1 Điều 13 có cần đóng dấu không? Trường hợp vừa có chữ ký, vừa có dấu của cơ quan, người có thẩm quyền lập văn bản thì nên thiết kế quy định cụ thể, nhằm hạn chế khó khăn trong quá trình áp dụng.

2.5. Về tên Điều 15, Điều 27 là “*Trình tự, thủ tục nhận và gửi hồ sơ yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự ...*”, tuy nhiên nội hàm các khoản của Điều là quy định về chuyên giao hồ sơ giữa các cơ quan có thẩm quyền của nhà nước Việt Nam có liên quan trong quá trình thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự theo Luật này, do đó, đề nghị chỉnh lý tên của Điều là “*Trình tự, thủ tục nhận và chuyển hồ sơ yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự ...*” để thống nhất với nội hàm điều chỉnh của Điều và phân biệt với việc gửi hồ sơ đến cơ quan đề nghị.

2.6. Câu đầu tiên của Khoản 4 Điều 17 đề nghị nghiên cứu chỉnh lý theo hướng: “*Trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền yêu cầu cần được thông báo về kết quả, tiến độ thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự của Việt Nam thì gửi văn bản cho Bộ Tư pháp để thực hiện theo trình tự quy định tại Điều 15, 16 và khoản 1, 2, 3 Điều này*” sẽ rõ ràng hơn.

2.7. Khoản 2 Điều 19 là quy định về sử dụng, áp dụng kết quả tương trợ tư pháp về dân sự để giải quyết các vụ việc dân sự, do đó, đề nghị nghiên cứu chỉnh lý cụm từ “*xử lý*” thành “*sử dụng*” để tương thích với nội hàm chung của khoản này, đồng thời đảm bảo tương đồng với quy định tại khoản 2 Điều 20.

2.8. Điều 21 và Điều 33 cùng quy định về thực hiện tương trợ tư pháp dân sự bằng phương tiện điện tử (chỉ khác nhau ở chủ thể thực hiện), hơn nữa, việc thực hiện này được căn cứ vào điều kiện kinh tế - xã hội, nhu cầu và khả năng thực tế ứng dụng khoa học công nghệ, do vậy, đề nghị nghiên cứu bố cục thành điều khoản độc lập ở Chương Tổ chức thi hành thì hợp lý hơn.

2.9. Khoản 3 Điều 22 nghiên cứu chỉnh lý chuyển về Điều 30 thống nhất với nội hàm quy định cùng điều chỉnh về tổng đạt giấy tờ yêu cầu tương trợ tư pháp.

2.10. Nên thiết kế kỹ thuật thể hiện các khoản 2, 3 Điều 23, khoản 2 Điều 24 theo hướng cụ thể hơn, tránh cho rằng chưa xác định cụ thể trường hợp bị từ chối, hoãn, loại giấy tờ khác, làm giảm tính minh bạch của văn bản. Chẳng hạn, thể hiện quy định tại khoản 3 Điều 24 như sau: “*3. Yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự của nước ngoài bị hoãn thực hiện tại Việt Nam theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án về việc nếu thực hiện sẽ cản trở quá trình điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án tại Việt Nam*”

2.11. Đề nghị nghiên cứu đề quy định ngay tại Luật này cơ sở để xác định “số lượng lớn”, “tính chất phức tạp” đối với “*Trường hợp yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự gửi đến tại một thời điểm có số lượng lớn hoặc tính chất phức tạp, ...*” tại các Điều 15, 16, 17, 27, 29. Trường hợp văn giao Chính phủ quy định chi

tiết thì đề nghị bổ sung quy định giao Chính phủ tại các Điều 16, Điều 17, Điều 29 tương tự như Điều 15, Điều 27 đảm bảo thuận lợi khi thực hiện.

2.12. Khoản 2 Điều 31 quy định “*Khi có yêu cầu cung cấp thông tin pháp luật Việt Nam để cơ quan, người có thẩm quyền của nước ngoài ra quyết định về một vụ việc dân sự, Bộ Tư pháp cung cấp thông tin pháp luật của Việt Nam và các án lệ của tòa án...*”, đề nghị cân nhắc nội dung quy định về việc cung cấp án lệ của Tòa án cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan thực hiện cung cấp. Trường hợp vẫn giữ như dự thảo Luật, đề nghị nghiên cứu bổ sung trình tự, thủ tục cung cấp/trích xuất án lệ của Tòa án để Bộ Tư pháp thông tin cho cơ quan, người có thẩm quyền của nước ngoài khi được yêu cầu.

2.13. Khoản 6 Điều 35, đề nghị nghiên cứu quy định cụ thể hơn để xử lý đối với trường hợp Việt Nam và nước ngoài chưa có ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về việc miễn phí, lệ phí thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự, không quy định “có thể” như dự thảo Luật.

2.14. Một số nội dung khác

- Về thời gian xử lý, giải quyết công việc: đề nghị rà soát thống nhất cách xác định “ngày”, “ngày làm việc” đảm bảo phù hợp với quy định tại Thông tư số 03/2022/TT-BTP.

- Sử dụng ngôn ngữ: thống nhất việc sử dụng các cụm từ “*nước ngoài*”, “*nước ngoài đó*”, “*nước ngoài có yêu cầu tương trợ tư pháp*”... tại một số điều, khoản do đây là các quy định cùng điều chỉnh về yêu cầu tương trợ tư pháp của nước ngoài nhưng cách sử dụng ngôn ngữ tại mỗi Điều, khoản thì đang khác nhau.

- Bố cục điều khoản: Đoạn cuối của khoản 1 Điều 29 nên tách chuyển thành 1 khoản và bố cục tương tự như các Điều 15, Điều 27,...

Ngoài ra, Cục Kiểm tra văn bản QPPL đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp tục rà soát kỹ lưỡng toàn bộ nội dung dự thảo Tờ trình, dự thảo Luật cũng như thể thức, kỹ thuật trình bày theo đúng quy định pháp luật. Đặc biệt tại các nội dung quy định của dự thảo Luật cần quy định rõ, cụ thể để áp dụng được ngay, không quy định chung chung. Đồng thời bổ sung đầy đủ tài liệu hồ sơ theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi năm 2020).

Trên đây là ý kiến của Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật đối với dự thảo Luật Tương trợ tư pháp dân sự, xin gửi Quý Vụ nghiên cứu, tham khảo./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- PCT. Nguyễn Thị Thu Hòa (để biết);
- Lưu: VT, KT.





**BỘ TƯ PHÁP  
CỤC BỔ TRỢ TƯ PHÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~1825~~/BTTP-CC,TPL  
V/v góp ý đối với dự thảo Luật tương  
trợ tư pháp về dân sự

Hà Nội, ngày ~~17~~ tháng 10 năm 2024

Kính gửi: Vụ Pháp luật quốc tế

Phúc đáp Công văn số 5572/BTP-PLQT ngày 01/10/2024 của Vụ Pháp luật quốc tế về việc cho ý kiến đối với dự thảo Luật Tương trợ tư pháp về dân sự. Qua nghiên cứu, Cục Bổ trợ tư pháp có ý kiến như sau:

1. Về dự thảo Tờ trình xây dựng dự án Luật Tương trợ tư pháp về dân sự

Phần 2 mục I Cơ sở thực tiễn, đề nghị Vụ Pháp luật quốc tế bổ sung số liệu kết quả đạt được sau khi tổng kết Luật Tương trợ tư pháp năm 2007.

Phần 2 mục II Quan điểm, đề nghị Quý Vụ viết ngắn gọn lại ý “*Một là, thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước ta về hội nhập quốc tế, cải cách pháp luật, cải cách tư pháp...*” theo hướng tập trung thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, đặc biệt một số văn bản quan trọng như: Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, Kết luận số 84-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 9/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu BCH TW khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới.

Đề nghị Quý Vụ lồng ghép vấn đề phân cấp, phân quyền trong dự thảo Tờ trình vì hiện nay trong dự thảo Tờ trình chưa thể hiện vấn đề này.

2. Về dự thảo Luật Tương trợ tư pháp về dân sự

Đề nghị Quý Vụ làm rõ việc xây dựng Hệ thống thông tin tương trợ tư pháp về dân sự tại khoản 8 Điều 39.

Trên đây là ý kiến của Cục Bổ trợ tư pháp, kính gửi Vụ Pháp luật quốc tế tổng hợp.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thứ trưởng Mai Lương Khôi (để b/c);
- Cục trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, CC, TPL.

**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



**Nguyễn Tấn Cường**



**BỘ TƯ PHÁP  
CỤC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ**

Số: 649/CTGPL-CS&QLNV  
V/v cho ý kiến đối với dự thảo Luật  
Tương trợ tư pháp về dân sự

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2024

Kính gửi: Vụ Pháp luật quốc tế

Trả lời Công văn số 5572/BTP-PLQT ngày 01/10/2024 của Bộ Tư pháp về việc đề nghị tham gia cho ý kiến đối với dự thảo Luật Tương trợ tư pháp về dân sự, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, Cục Trợ giúp pháp lý có một số ý kiến góp ý như sau:

**1. Đối với dự thảo Tờ trình**

Dự thảo Tờ trình đã nêu những định hướng chung; cơ sở chính trị, pháp lý; cơ sở thực tiễn; mục đích và nội dung cơ bản của dự thảo Luật Tương trợ tư pháp về dân sự. Tuy nhiên, đơn vị soạn thảo cần nghiên cứu bổ sung các nội dung trong dự thảo Tờ trình cho phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Bên cạnh đó, theo dự thảo Tờ trình thì dự thảo Luật Tương trợ tư pháp có bổ sung nhiều quy định mới, do vậy đề nghị bổ sung đánh giá tính thống nhất, phù hợp, khả thi của những quy định mới này.

**2. Đối với dự thảo Luật Tương trợ tư pháp về dân sự**

- Tại Chương IV của dự thảo Luật Tương trợ tư pháp về dân sự đang quy định 02 Điều về Chi phí thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự, đề nghị cân nhắc ghép vào Chương III của dự thảo Luật để bảo đảm thống nhất và phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

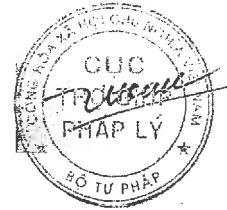
- Đề nghị cân nhắc bỏ đoạn “*Việt Nam và nước ngoài có thể ký kết điều ước quốc tế, thoả thuận quốc tế về việc miễn phí, lệ phí thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự*” tại khoản 6 Điều 35 của dự thảo Luật vì Điều này tập trung quy định cụ thể về chi phí thực hiện tương trợ tư pháp.

Trên đây là ý kiến góp ý của Cục Trợ giúp pháp lý đối với dự thảo Tờ trình và dự thảo Luật Tương trợ tư pháp về dân sự, gửi Vụ Pháp luật quốc tế để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ./.

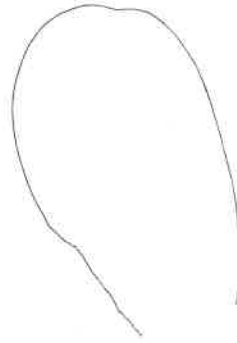
**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cục trưởng (để báo cáo)
- Các Phó Cục trưởng (để biết);
- Lưu: VT, CS&QLNV (Yến).

**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



**Vũ Thị Hương**





BỘ TƯ PHÁP  
VIỆN CHIẾN LƯỢC  
VÀ KHOA HỌC PHÁP LÝ  
Số: ~~547~~/CLKHPL-DSKT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ~~17~~ tháng ~~10~~ năm 2024

V/v góp ý dự thảo Luật Tương trợ  
tư pháp về dân sự

Kính gửi: Vụ Pháp luật quốc tế

Trả lời Công văn số 5572/BTP-PLQT ngày 01/10/2024 của Vụ Pháp luật quốc tế về việc đề nghị tham gia ý kiến đối với dự thảo Luật Tương trợ tư pháp về dân sự, sau khi nghiên cứu dự thảo, Viện Chiến lược và Khoa học pháp lý về cơ bản nhất trí với kết cấu và nội dung dự thảo, đồng thời có một số ý kiến góp ý như sau:

Hiện Điều 45 của dự thảo quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật có liên quan, bao gồm: Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài năm 2009 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Luật phá sản năm 2014; Danh mục phí, lệ phí Ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí năm 2015.

Tuy nhiên, hiện nay có một số Luật đã có kế hoạch sửa đổi, có hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, điển hình như Luật Thi hành án dân sự, ngày 08/6/2024, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 129/2024/QH15 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, theo đó, Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi) sẽ được trình Quốc hội cho ý kiến vào Kỳ họp thứ 9 (tháng 05/2025) và thông qua vào Kỳ họp thứ 10 (tháng 10/2025). Hay đối với Luật Phá sản, hiện Tòa án nhân dân tối cao đang đăng công khai hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Phá sản (sửa đổi) và lấy ý kiến của các đối tượng chịu tác động. Khi sửa đổi các Luật nêu trên thì sẽ phải rà soát các điều khoản tại Luật hiện hành và rà soát cả những điều khoản đã được sửa đổi tại các Luật khác (trường hợp này là phải rà soát cả dự thảo Luật Tương trợ tư pháp về dân sự).

Viện Chiến lược và Khoa học pháp lý cho rằng, việc áp dụng kỹ thuật một luật sửa nhiều luật mặc dù có ưu điểm khắc phục được nhanh chóng những mâu thuẫn có thể có của hệ thống pháp luật. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay khi cả dự thảo Luật Tương trợ tư pháp về dân sự và các Luật trên cùng sửa đổi về một vấn đề giống nhau sẽ dẫn đến sự chia cắt, manh mún và gây ra nhiều khó

khăn, tạo thêm chi phí cho cả quá trình rà soát pháp luật cũng như tra cứu và áp dụng pháp luật. Vì vậy, Ban Soạn thảo cần cân nhắc về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật có liên quan tại Điều 45, trường hợp Ban Soạn thảo thấy cần thiết thì có thể chỉ lựa chọn sửa đổi, bổ sung một số Luật chưa có kế hoạch sửa đổi.

Trên đây là một số ý kiến góp ý của Viện Chiến lược và Khoa học pháp lý đối với dự thảo Luật Tương trợ tư pháp về dân sự, kính chuyển Vụ Pháp luật quốc tế tham khảo, tổng hợp. / *Th*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Viện trưởng (để b/c);
- Lưu: VT; Ban NCPL DS-KT (2b).

**KT. VIỆN TRƯỞNG  
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



**BỘ TƯ PHÁP  
CỤC HỘ TỊCH, QUỐC TỊCH,  
CHỨNG THỰC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 639 /HTQTCT-HT  
V/v tham gia ý kiến đối với dự thảo  
Luật Tương trợ tư pháp về dân sự

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2024

Kính gửi: Vụ Pháp luật quốc tế

Trả lời Công văn số 5572/BTP-PLQT ngày 01/10/2024 của Vụ Pháp luật quốc tế đề nghị tham gia ý kiến đối với dự thảo Luật Tương trợ tư pháp về dân sự (sau đây gọi là dự thảo Luật), Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực có ý kiến như sau:

Về cơ bản, Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực nhất trí với sự cần thiết ban hành dự thảo Luật và đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc một số nội dung như sau:

- Tại Điều 3 dự thảo Luật, đề nghị quy định rõ phạm vi tương trợ tư pháp về dân sự bao gồm những nội dung/lĩnh vực nào.

- Về hồ sơ yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự và cách thức lập hồ sơ quy định tại các Điều 11, Điều 13, Điều 24, Điều 25 đề nghị cơ quan chủ trì nghiên cứu ghép thành một điều để bảo đảm logic và dễ áp dụng.

- Về trình tự, thủ tục nhận và gửi hồ sơ yêu cầu tương trợ tư pháp:

+ Đề nghị quy định cụ thể yêu cầu tương trợ tư pháp có số lượng “lớn”, quy định như dự thảo Luật không mang tính định lượng;

+ Đề nghị cân nhắc thời gian nhận, gửi hồ sơ cho Cơ quan đại diện của Việt Nam có bảo đảm thực hiện được trong khi hồ sơ yêu cầu tương trợ tư pháp có giấy tờ yêu cầu phải nộp bản chính.

- Đề nghị quy định thống nhất là “họ, chữ đệm, tên” của người yêu cầu tương trợ tư pháp trong dự thảo Luật để phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự và Luật hộ tịch.

- Về quy định thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự khác (Điều 18, Điều 31), đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ chỉ quy định các giấy tờ về hộ tịch thuộc phạm vi thực hiện yêu cầu tương trợ về dân sự khác, quy định này không bảo đảm thống nhất với tên điều; đồng thời các nội dung khác liên quan đến hôn nhân gia đình, chứng thực... có thuộc phạm vi Điều này hay không.

- Tại Điều 25, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc quy định về hồ sơ yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự của nước ngoài để bảo đảm tính khả thi.

Đồng thời, tại khoản 1 Điều 31, cân nhắc quy định “...bản án, quyết định của Tòa án Việt Nam về hộ tịch”, bởi vì theo quy định của Luật hộ tịch thì thẩm quyền giải quyết các việc hộ tịch thuộc cơ quan đăng ký hộ tịch. Do đó, quy định này nên điều chỉnh thành “...bản án, quyết định của Tòa án Việt Nam có thông tin liên quan đến hộ tịch”.

- Tại Điều 33, đề nghị làm rõ việc thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp được thực hiện bằng phương tiện điện tử hay phương thức điện tử để bảo đảm thống nhất với quy định tại Điều 34 dự thảo Luật.

- Đối với Chương IV dự thảo Luật, đề nghị quy định thống nhất thuật ngữ chi phí thực hiện tương trợ tư pháp hay phí, lệ phí tương trợ tư pháp.

Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực trao đổi đề Quý Vụ tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cục trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, HT(D).

**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



**BỘ TƯ PHÁP  
CỤC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1200 /CNTT-TTTT

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2024

V/v: Tổng hợp kết quả lấy ý kiến đối với  
Dự án Luật Tương trợ tư pháp về dân sự  
trên Công Thông tin điện tử Bộ Tư pháp

Kính gửi: Vụ Pháp luật quốc tế

Vừa qua, Cục Công nghệ thông tin đã nhận được đề nghị của Vụ Pháp luật quốc tế về việc đăng tải Dự án Luật Tương trợ tư pháp để lấy ý kiến rộng rãi trên Chuyên mục "**Lấy ý kiến về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật**" của Công Thông tin điện tử Bộ Tư pháp đến hết ngày 11/11/2024.

Qua kiểm tra, rà soát trên Công Thông tin điện tử Bộ Tư pháp, Cục Công nghệ thông tin thấy không có ý kiến góp ý nào đối với Dự án Luật Tương trợ Tư pháp.

Cục Công nghệ thông tin gửi Vụ Pháp luật quốc tế để biết và tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cục trưởng (để b/c);
- Lưu: VT.

**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



**Tạ Thanh Trung**



Số: 1209 /VP-TH

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2024

V/v tham gia ý kiến đối với dự thảo  
Luật Tương trợ tư pháp về dân sự

Kính gửi: Vụ Pháp luật quốc tế

Phúc đáp Công văn số 5572/BTP-PLQT ngày 01/10/2024 của Vụ Pháp luật quốc tế về việc đề nghị tham gia ý kiến đối với dự thảo Luật Tương trợ tư pháp về dân sự, sau khi nghiên cứu, Văn phòng Bộ có một số ý kiến như sau:

### 1. Về dự thảo Tờ trình Luật Tương trợ tư pháp về dân sự

Qua rà soát, dự thảo Luật Tương trợ tư pháp về dân sự đã đề cập đến quy trình tiếp nhận và xử lý yêu cầu tương trợ tư pháp (tại Chương II và Chương III) cũng như chi phí thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự (tại Chương IV), để phù hợp với nhận định thứ ba tại mục II.2 (trang 5) có đề cập đến việc "...; mặt khác **cắt giảm quy trình tiếp nhận và xử lý yêu cầu tương trợ tư pháp, cắt, giảm chi phí đảm bảo đổi mới bộ máy nhà nước tinh gọn, hiệu quả...**", đề nghị Quý đơn vị bổ sung thông tin, số liệu để làm rõ hơn nhận định nêu trên.

### 2. Về dự thảo Luật Tương trợ tư pháp về dân sự

- Tại Điều 6 về nguyên tắc tương trợ tư pháp về dân sự, đề nghị Quý đơn vị chỉnh lý như sau: "*Tương trợ tư pháp về dân sự được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và các bên cùng có lợi, bảo đảm tối đa quyền, lợi ích của người dân, doanh nghiệp trong các vụ việc dân sự, phù hợp với Hiến pháp, pháp luật của Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên*", để tạo cơ sở pháp lý cho cơ quan có thẩm quyền Việt Nam có thể tùy từng trường hợp để áp dụng việc "*có đi có lại*" trong thực hiện tương trợ tư pháp.

- Tại Điều 10 về thẩm quyền yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự của Việt Nam đã mở rộng thẩm quyền yêu cầu tương trợ tư pháp đối với các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam như: Tòa án nhân dân; Viện kiểm sát nhân dân và cơ quan thi hành án dân sự. Để làm rõ hơn việc yêu cầu nước ngoài tương trợ tư pháp về dân sự, đề nghị Quý đơn vị cân nhắc đưa vào các trường hợp cụ thể được yêu cầu tương trợ tư pháp như: *về tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu cho người đang ở nước được yêu cầu; về triệu tập người làm chứng, người giám định đang ở nước*

*được yêu cầu; về thu thập, cung cấp chứng cứ ở nước được yêu cầu để giải quyết vụ việc dân sự tại Việt Nam và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.*

- Tại Điều 35 về chi phí thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự, đề nghị Quý đơn vị cân nhắc bổ sung quy định về việc miễn, giảm chi phí thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự cho nhóm đối tượng yếu thế; nhóm đối tượng được trợ giúp pháp lý.

- Tại Điều 37 liên quan nội dung quản lý nhà nước về tương trợ tư pháp về dân sự, đề nghị Quý đơn vị cân nhắc chỉnh lý như sau: "*Thực hiện công tác thống kê và các chế độ báo cáo về tương trợ tư pháp về dân sự*".

- Tại khoản 1 Điều 47 về quy định chuyển tiếp, đề nghị Quý đơn vị quy định rõ như sau: "*Hệ thống thông tin tương trợ tư pháp về dân sự ... chậm nhất ngày 01 tháng 01 năm 2031. Trước ngày Hệ thống thông tin tương trợ tư pháp về dân sự được hoàn thiện, hồ sơ quy định tại Điều 11 được lập thành 03 bộ. Sau khi Hệ thống thông tin tương trợ tư pháp về dân sự được hoàn thiện, hồ sơ yêu cầu tương trợ tư pháp được lập theo quy định tại khoản 6 Điều 13*".

Trên đây là ý kiến của Văn phòng Bộ đối với việc tham gia ý kiến đối với dự thảo Luật Tương trợ tư pháp về dân sự, xin gửi Quý đơn vị để tham khảo./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chánh Văn phòng Bộ (để báo cáo);
- Lưu: VT, TH.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



**Lê Tuấn Phong**



BỘ TƯ PHÁP  
VỤ CÁC VẤN ĐỀ CHUNG  
VỀ XÂY DỰNG PHÁP LUẬT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 703/VĐCXDPL-CSPL  
V/v góp ý dự thảo Luật TTTP về dân sự

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2024

Kính gửi: Vụ Pháp luật quốc tế

Phúc đáp Công văn số 5407/BTP-PLQT ngày 26/9/2024 của Bộ Tư pháp về việc đề nghị tham gia ý kiến đối với dự thảo Luật Tương trợ tư pháp về dân sự, Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật cơ bản nhất trí với dự thảo Luật. Để hoàn thiện hơn nữa dự thảo Luật, Vụ có một số ý kiến góp ý như sau:

**1. Đối với dự thảo Tờ trình:**

1.1. Đề nghị Vụ PLQT chỉnh lý dự thảo Tờ trình theo Mẫu số 03, Phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024 của Chính phủ), theo đó, Tờ trình dự thảo Luật cần bổ sung: (i) phần III. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự án, dự thảo văn bản; (ii) phần VI. Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành văn bản (nếu có); (iii) phần VII. Những vấn đề xin ý kiến (nếu có).

1.2. Tại phần III. Quá trình xây dựng dự án Luật: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung các footnote để thuyết minh cho các nội dung được nêu tại mục 1, 3, 4; nhất là mục 4 về thời gian đăng tải, lấy ý kiến công khai để thể hiện đã đảm bảo đúng thời gian được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

**2. Đối với dự thảo Luật:**

2.1. Điều 15 và Điều 16 có nội dung tương tự, đều quy định về trình tự, thủ tục nhận và gửi hồ sơ tương trợ tư pháp về dân sự của Việt Nam, chỉ khác nhau về địa điểm tiếp nhận hồ sơ. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc việc giao quy định chi tiết Điều 16 tương tự như khoản 4 Điều 15 dự thảo Luật, tránh phát sinh vấn đề trong quá trình thi hành Luật mà không có văn bản quy định chi tiết để hướng dẫn.

2.2. Điều 12, 15 và 27 dự thảo Luật có nội dung giao Chính phủ quy định chi tiết. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc, có thể giao Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết các điều này do đây đều là các vấn đề mang tính kỹ thuật, thích hợp quy định tại Thông tư của Bộ trưởng.

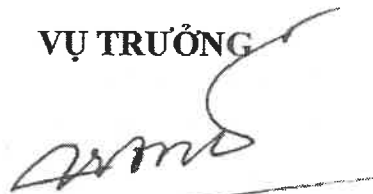
2.3. Điều 36 dự thảo Luật: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ “quy định của Chính phủ” là quy định nào. Nếu hiện nay đã có pháp luật quy định vấn đề mức thu, cơ quan có thẩm quyền thu và trình tự thu nộp chi phí thực hiện tương trợ tư pháp, đề nghị dẫn chiếu đến quy định đó. Trường hợp chưa có quy định, đề nghị quy định giao Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Trên đây là ý kiến của Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật đối với hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Tương trợ tư pháp về dân sự, xin trân trọng gửi Quý Đơn vị để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thứ trưởng Đặng Hoàng Oanh (để b/c);
- Thứ trưởng Trần Tiến Dũng (để b/c);
- Lưu: VT, CSPL(L.Hương).

**VỤ TRƯỞNG**



**Trần Anh Đức**